

ベトナム語
Tiếng Việt

Dành cho quý phụ huynh và con em có yếu tố nước ngoài

外国につながる子どもと保護者のための

高校進学

ガイドブック

Sách hướng dẫn về việc học lên trường cấp 3



NPO法人 ABCジャパン

★このガイドブックの情報は、2021年6月現在のものです。そのため内容が変わることも
あります。みなさんが情報を活用するときには、インターネットで調べたり、高校などに
問い合わせたりして、最新の情報を確認してください。

★Sách hướng dẫn này dựa vào thông tin của tháng 9 năm 2021. Sau này nội dung có thể
sẽ thay đổi. Khi sử dụng sách này xin quý vị đồng thời kiểm tra trên Internet và liên hệ
với nhà trường, v.v. để nắm được thông tin mới nhất.

はじめに

中学生のみなさんの中には、将来の夢や現在の状況を頭に入れながら、卒業後は「高校に進学…？」それとも「就職…？」と悩んでいる人もいるかもしれません。では、高校に進学することにはどんな意味があるのでしょうか。

- ・新しい友達ができたり、文化祭や部活などの高校生活を楽しめる！
- ・中学卒業時よりも、高校卒業時の方が選択肢の幅が広い！

まず高校では新たな出会いがあり、「こんな自分がいたんだ…!!」と気づいたり、中学時代よりもグレードアップした文化祭や部活を経験することができます。そして、高校に進学すると、大学や専門学校進学への道が開け、仕事の選択肢も増えます。中卒と高卒では選べる職種や仕事に大きな差があり、大学や専門学校で資格を取らないとできない職業もあります。また、職業の選択肢が一番多く、収入が高くなるのは大卒ですが、大学受験には高卒の資格が必要になるのです。

この本は、進学したいけれど試験やお金のことなどの制度がわからないという人やお金がかかるから高校進学はできないとあきらめそうになっている人のために、高校の種類や試験、お金のことなどを説明したものです。みなさんが自分自身で進路を切り開いていくための役に立てたらとても嬉しいです。

Mở đầu

Trong số các em học sinh đang học cấp 2, chắc hẳn là có một số em khi suy nghĩ về ước mơ sau này và tình hình hiện tại thì rất đắn đo không biết là sau khi tốt nghiệp cấp 2 mình nên học tiếp lên cấp 3 hay là ra đi làm luôn. Vậy thì, việc học tiếp lên cấp 3 có ý nghĩa như thế nào?

- Em sẽ có nhiều bạn bè mới và hòa mình vào các lễ hội văn hóa sôi động cũng như các hoạt động câu lạc bộ phong phú.
- Em sẽ có nhiều lựa chọn hơn cho con đường tương lai sau khi tốt nghiệp cấp 3 so với chỉ tốt nghiệp cấp 2.

Trước hết, em sẽ gặp gỡ được nhiều bạn bè mới, thầy cô mới, và em sẽ khám phá ra những khía cạnh mới của bản thân. Em sẽ trải nghiệm được các lễ hội văn hóa và các hoạt động câu lạc bộ ở tầm cao hơn nhiều so với cấp 2. Hơn nữa, khi em học lên cấp 3 thì con đường vào đại học và senmon sẽ mở ra, lựa chọn nghề nghiệp cũng sẽ tăng lên. Có một khoảng cách rất lớn giữa tốt nghiệp cấp 2 và tốt nghiệp cấp 3 về ngành nghề và công việc mà em có thể lựa chọn. Cũng có những công việc đòi hỏi em phải có những chứng chỉ mà em chỉ có thể lấy ở đại học hay senmon. Ngoài ra, cơ hội nghề nghiệp có nhiều nhất và thu nhập cao là phải tốt nghiệp đại học, thì để thi vào đại học em cần phải có bằng tốt nghiệp cấp 3.

Em muốn học lên cấp 3 nhưng chưa biết kỳ thi đầu vào như thế nào và học phí ra sao, hoặc là học phí cao quá em không thể theo học nên định từ bỏ ý định? Sách hướng dẫn này sẽ giải thích cho em về các loại trường cấp 3, về kỳ thi đầu vào và học phí, v.v. Chúng tôi sẽ rất vui mừng nếu tập sách này hữu ích cho em trong việc đưa ra được định hướng trên con đường học vấn của mình.

もくじ

はじめに

1. 高校とは	01
(1) 種類	①公立 ②私立
(2) 課程	①全日制 ②定時制 ③通信制
(3) 学科	①普通科 ②専門学科 ③総合学科
2. 入試のしくみ	03
(1) 公立	①共通選抜 ②定通分割選抜 ③二次募集
(2) 私立	①一般入試 ②オープン型入試 ③特待生入試
3. 外国につながる子どもの受検	07
(1) 在県外国人等特別募集	
(2) 海外帰国生徒特別募集	
4. 志望校の決め方	08
(1) 3つのヒント	
(2) 高校決めに大切なイベント2つ	
5. 3年間のスケジュール	10
6. 受験のスケジュール	12
7. お金	13
8. 奨学金など	14
9. 保護者の方へ	15
10. 高校卒業後の進学	16
11. Q & A	17
12. 体験談	18

相談できる機関

キーワードリスト

MỤC LỤC

Mở đầu

1. Trường cấp 3	01
(1) Loại trường ① Công lập ② Tư lập	
(2) Hệ đào tạo ① Toàn thời gian ② Bán thời gian ③ Từ xa	
(3) Khoa ① Phổ thông ② Chuyên môn ③ Tổng hợp	
2. Quy định về kỳ thi đầu vào	03
(1) Công lập ① Kỳ thi chung ② Kỳ thi bán thời gian ③ Kỳ thi lần 2	
(2) Tư lập ① Kỳ thi chung ② Kỳ thi mở	
③ Kỳ thi dành cho học sinh có học bổng	
3. Kỳ thi dành cho học sinh có yếu tố nước ngoài	07
(1) Tuyển người nước ngoài có địa chỉ trong tỉnh	
(2) Tuyển học sinh về nước từ nước ngoài	
4. Cách chọn trường	08
(1) 3 lời khuyên	
(2) 2 sự kiện quan trọng	
5. Lịch trình học 3 năm	10
6. Lịch trình dự thi	12
7. Chi phí	13
8. Học bổng	14
9. Kính gửi quý phụ huynh	15
10. Việc học lên sau khi tốt nghiệp	16
11. Hỏi đáp	17
12. Kinh nghiệm của sempai	18

Các cơ quan tư vấn

Danh sách từ ngữ liên quan

1. 高校とは

(1) 種類

①

公立

・運営

地方自治体（都道府県や市町村）が運営。

神奈川県立や横浜市立、川崎市立、横須賀市立などがある。

・学費

私立高校より学費が安い。

・特徴

普通科のほかに工業科や国際科、理数科など専門的なスキルや知識を学ぶ学科を設置している高校が多くある。

②

私立

・運営

国・地方自治体以外の団体・個人が運営。

・学費

学費は公立高校より高いが、学食や室内プール、

グラウンドなどの施設が整っているところもある。

・特徴

学校ごとに校風や指導方針がかなり違う。

進学やスポーツや芸術などに特に力を入れている高校もある。

卒業まで手厚いサポートを受けられる高校もある。

コラム『いちりつ』と『わたくしりつ』

『市立』と『私立』はどちらも正しくは「しりつ」と読みます。

しかし、これだと話すときにややこしいので、

『市立』 『私立』 と言って区別することもあります。

市立（＝公立）と私立の違いは大きいので、「しりつ」と聞いたときは注意しましょう！！



1. Trường cấp 3 là gì?

(1) Loại trường



- **Quản lý**

Được quản lý bởi chính quyền địa phương (chính quyền tỉnh, thành phố, v.v.).
Ví dụ: trường cấp 3 tỉnh Kanagawa, trường cấp 3 thành phố Yokohama, trường cấp 3 thành phố Kawasaki, trường cấp 3 thành phố Yokosuka, v.v.

- **Học phí**

Học phí thấp hơn trường tư.

- **Điểm đặc trưng**

Nhiều trường không chỉ có khoa thường mà còn có khoa chuyên, học về kỹ năng và kiến thức chuyên môn, chẳng hạn như khoa Công nghiệp, khoa Quốc tế, khoa Toán Lý Hóa.



- **Quản lý**

Được quản lý bởi các tổ chức đoàn thể hoặc các cá nhân không thuộc chính quyền địa phương hay chính phủ.

- **Học phí**

Học phí cao hơn trường công. Tuy nhiên trường tư có thể sẽ có nhiều tiện nghi như căn-tin, hồ bơi trong nhà, sân chơi, v.v.

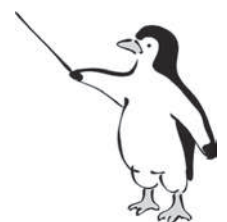
- **Điểm đặc trưng**

Mỗi trường có văn hóa trường và phương châm giáo dục riêng.
Có những trường tập trung mạnh vào các lĩnh vực đặc biệt như chuẩn bị cho việc học lên đại học hoặc tập trung vào thể thao, nghệ thuật, v.v.
Có những trường có chế độ hỗ trợ rất chặt chẽ cho học sinh cho đến khi tốt nghiệp.

Lưu ý: “ichiritsu” và “watakushiritsu”

Hai từ “市立 (thị lập)” và “私立 (tư lập)” đều được đọc là “shiritsu”.
Tuy nhiên, vì như vậy thì dễ gây nhầm lẫn nên đôi khi người ta đọc là “ichiritsu (市立)” và “watakushiritsu (私立)” để phân biệt.

Cần cẩn trọng khi nghe đến từ “shiritsu” bởi vì “thành phố lập” và “tư lập” rất khác nhau.



(2) 課程

	① 全日制 ぜんにちせい	② 定時制 ていじせい	③ 通信制 つうしんせい
通学 つうがく	まいにちつうがく 毎日通学 1日約6時間の授業	まいにちつうがく 毎日通学 1日約4時間の授業 昼間部・昼夜部・ 夜間部がある。	つき すうかいつうがく 月に数回通学 (スクーリング) かだい ていしゆつ てんさく べんきやう 課題の提出・添削で勉強
期間 きかん	ねんかん 3年間	ねんかん 4年間 がんば ねん 頑張れば3年でも	ねんかん 3年間～
特徴 とくちやう	—	じゆぎやうじかながい 授業時間外に、 バイトなどをして はたら まな ひと おお 働きながら学ぶ人も多い	かだい まな 課題は学んだことに ついてレポートを書いて おく てんさく 送り、添削してもらう

(3) 学科

① 普通科

- どんな進路にも対応できるように幅広い教育を目的にしたコース。
- 中学校で学習した内容を発展させた科目中心に勉強する。
- 2年生から進学に向けて、文系と理系に分かれる。
- 卒業後は大学や専門学校に進学する人が多い。

② 専門学科

- 工業科や農業科、商業科、国際科などがあり、専門的な知識やスキル習得が目的。
- 専門的な知識やスキルだけでなく、国語や数学、英語等の普通科目も勉強する。
- 色々な資格をとることができ、高校卒業後は学んだことを活かせる職業に就く人が多い。
- もちろん、大学進学する人もいる。

③ 総合学科

- 普通科目から専門科目まで幅広い分野の科目がある。
- その中から自分で科目を選択して時間割を作ることができる。
- 基本的には単位制で、卒業するのに必要な単位を取って卒業できる。
- 専門科目中心に勉強して就職を目指したり、普通科目中心に学んで進学を目指したりできる。

(2) Hệ đào tạo

	① Toàn thời gian	② Bán thời gian	③ Từ xa
Thời gian học	- Mỗi ngày - Một ngày học khoảng 6 giờ đồng hồ	- Mỗi ngày - Một ngày học khoảng 4 giờ đồng hồ - Có lớp sáng, lớp chiều, lớp tối	- Một tháng vài lần (đến trường) - Nộp đề tài để giáo viên chấm điểm
Số năm	3 năm	- 4 năm - Nếu cố gắng cũng có thể tốt nghiệp trong vòng 3 năm	3 năm
Đặc trưng	—	Cũng có nhiều học sinh đi làm thêm ngoài giờ học.	Đề tài là học sinh phải viết báo cáo về nội dung đã học và nộp cho giáo viên để được chấm điểm.

(3) Khóa học

① Khoa phổ thông

- Là khoa đào tạo dần trải giúp học sinh đi theo con đường nào cũng được sau khi tốt nghiệp.
- Học sinh sẽ được học nâng cao những môn đã học ở cấp 2.
- Từ năm thứ 2, học sinh sẽ được phân thành ban xã hội với ban tự nhiên để chuẩn bị cho định hướng sau khi tốt nghiệp cấp 3.
- Nhiều học sinh học lên đại học hoặc senmon sau khi tốt nghiệp.

② Khoa chuyên môn

- Có các khoa như Công nghiệp, Nông nghiệp, Thương mại, Quốc tế... Mục đích là giúp học sinh có được các kiến thức và kỹ năng mang tính chuyên môn.
- Ngoài các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, học sinh còn được học các môn phổ thông như Quốc ngữ, Toán, Tiếng Anh, v.v.
- Nhiều học sinh lấy được nhiều loại chứng chỉ và áp dụng được kiến thức đã học vào công việc sau khi tốt nghiệp.
- Tất nhiên là cũng có học sinh học lên đại học.

③ Khoa tổng hợp

- Có nhiều môn học phong phú trải dài từ phổ thông đến chuyên môn.
- Học sinh có thể lựa chọn môn học và tự tạo thời khóa biểu học cho riêng mình.
- Về cơ bản là sẽ theo chế độ tín chỉ, học sinh sẽ được tốt nghiệp sau khi đã lấy đủ các tín chỉ cần thiết.
- Học sinh có thể tập trung vào các môn chuyên môn nếu chọn đi làm sau khi tốt nghiệp, hoặc tập trung vào các môn phổ thông nếu chọn thi đại học.

2. 入試のしくみ

(1) 公立

① 共通選抜 (全日制・定時制・通信制)

全部の高校が2月の同じ日に実施するため、公立高校は基本的に1校しか受けられません。調査書・学力検査・面接の3つで合否が決まり、何に重きを置くかは高校によって違います。高校によって、さらに『特色検査』が加わることもあります。

★合否の決め方

ちょうさしよ
調査書



- ・内申書とも呼ばれる。
- ・各教科の成績、学校生活の様子を中学校の先生が書く。
- ・内申点は各教科の成績の合計です。

がくりよくけんさ
学力検査



- ・全日制と定時制で試験の教科数が違う。
- ・全日制→国語・数学・理科・社会・英語の5教科
- ・定時制→国語・数学・英語の3教科がほとんど
- (高校によっては理科や社会の試験もある)

めんせつ
面接



- ・面接シートの内容に基づき、入学志望の理由、中学校での学習意欲、中学校での勉強以外の活動などについて聞かれることが多い。

成績表の数字

★内申点の出し方



ねん 2年 がくねんまつ 学年末	こくご 国語	しゃかい 社会	すうがく 数学	りか 理科	おんがく 音楽	びじゆつ 美術	たいいく 体育	ぎか 技科	えいご 英語	ごうけい 合計
ねん 3年	こくご 国語	しゃかい 社会	すうがく 数学	りか 理科	おんがく 音楽	びじゆつ 美術	たいいく 体育	ぎか 技科	えいご 英語	ごうけい 合計

中1や中2の人は、今の成績の合計に3をかけると大体の内申点ができるよ!

$\times 3 =$

ねんがくねんまつ ごうけい
2年学年末の合計

ねん ごうけい
3年の合計 $\times 2$

$+$ $=$

2. Quy định thi đầu vào

(1) Công lập

① Kỳ thi chung (toàn thời gian, bán thời gian, từ xa)

Về cơ bản, học sinh chỉ có thể thi kỳ thi đầu vào của một trường cấp 3 công lập bởi vì tất cả các trường công lập tổ chức thi cùng một ngày vào tháng Hai.

Nhà trường sẽ xét tuyển dựa trên 3 mục sau: Phiếu điều tra, điểm thi kỳ thi kiểm tra học lực và phỏng vấn. Mỗi trường nhấn mạnh vào một mục. Vài trường còn có “Kỳ thi do nhà trường chỉ định”.

★ Xét tuyển

Phiếu điều tra



- Phiếu điều tra còn được gọi là Bảng thành tích.
- Giáo viên cấp 2 sẽ ghi thành tích các môn học và hạnh kiểm của học sinh vào phiếu này
- Điểm trong Bảng thành tích là điểm tổng của từng môn học.

Kỳ thi kiểm tra học lực



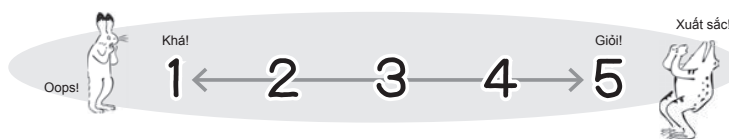
- Số môn thi của hệ toàn thời gian và hệ bán thời gian sẽ khác nhau.
5 môn hệ toàn thời gian: Quốc ngữ, Toán, Lý, Xã hội, Tiếng Anh
3 môn hệ bán thời gian: Quốc ngữ, Toán, Tiếng Anh (có trường cho thi cả môn Lý và Xã hội)

Phỏng vấn



- Thông thường, dựa vào phiếu phỏng vấn, học sinh sẽ được hỏi về nguyện vọng nhập học, ý thức học tập ở cấp 2 và các hoạt động ngoại khóa ở cấp 2.

Thành tích học tập



★ Cách xem Bảng thành tích

	Quốc ngữ	Xã hội	Toán	Lý hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	Kỹ thuật – Gia chánh	Tiếng Anh	Tổng
Cuối năm 2										
Cuối năm 3										

Nếu em đang học năm 1 hay năm 2, hãy lấy thành tích hiện tại nhân với 3, em sẽ biết được đại khái điểm trong Bảng thành tích

$$\times 3 =$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng điểm cuối năm 2} \\ \text{Tổng điểm cuối năm 3} \times 2 \\ \hline + \\ \hline = \end{array}$$

② 定通分割選抜

- ・ 3月に行われる定時制と通信制だけの入試です。
- ・ 他^{ほか}の高校^{こうこう}(国^{こく}公^{こう}私^し立^{りつ})に合格^{ごうかく}している人^{ひと}は、出願^{しゅつがん}できません。
- ・ 定通分割選抜も志願^{しがん}変更^{へんこう}できます。
- ・ 【定時制^{ていじせい}→通信制^{つうしんせい}】や【通信制^{つうしんせい}→定時制^{ていじせい}】の変更^{へんこう}もOK。
- ・ 下^{した}の③二次募集^{にじばしゅう}と同時^{どうじ}に受検^{じゅけん}できます。

定時制 ていじせい	調査書 ^{ちようさしよ} 、学力検査 ^{がくりよくけんさ} (国語 ^{こくご} ・数学 ^{すうがく} ・英語 ^{えいご})、面接 ^{めんせつ}
通信制 つうしんせい	調査書 ^{ちようさしよ} 、面接 ^{めんせつ} か作文 ^{さくぶん}

③ 二次募集

- ・ 全日制^{ぜんにちせい}、定時制^{ていじせい}、通信制^{つうしんせい}で募集^{ぼしゅう}人数^{にんずう}より受検者^{じゅけんしゃ}が少^{すく}なかったときに行われ^{おこな}れます。
- ・ どの学校^{がっこう}でも行われ^{おこな}れるわけではなく、二次募集^{にじばしゅう}が実施^{じっし}される高校^{こうこう}は合格発表日^{ごうかくはつぴょう}に神奈川県教育委員会^{かながわけんきょういくいしんかい}から発表^{はつぴょう}されます。
- ・ 他^{ほか}の高校^{こうこう}(国^{こく}公^{こう}私^し立^{りつ})に合格^{ごうかく}している人^{ひと}は、出願^{しゅつがん}できません。

共通選抜 きょうつうせんぱつ	全日制 ^{ぜんにちせい} 、 夜間 ^{やかん} 以外の ^{いがい} 定時制 ^{ていじせい}	調査書 ^{ちようさしよ} 、学力検査 ^{がくりよくけんさ} (国語 ^{こくご} ・数学 ^{すうがく} ・英語 ^{えいご})で 合否 ^{ごうひ} を決 ^き めるところが ^{おほ} 多い。 面接 ^{めんせつ} をする ^{こうこう} 高校 ^{こうこう} もある。
定通分割選抜 ていつうぶんかつせんぱつ	夜間 ^{やかん} の 定時制 ^{ていじせい}	面接 ^{めんせつ}
定通分割選抜 ていつうぶんかつせんぱつ	通信制 ^{つうしんせい}	面接 ^{めんせつ} か作文 ^{さくぶん}



コラム『志願変更』

- ・ 願書提出^{がんじょていしゅつご}後に1回^{かい}だけ受検^{じゅけん}する高校^{こうこう}を^かえ^かえる『志願変更^{しがんへんこう}』が^かでき^かます。
- ・ ただし、倍率^{ばいりつ}だけで判断^{はんぱん}するのではなく、受験校^{じゅけんこう}を決^きめる面談^{めんだん}で先生^{せんせい}と相談^{そうだん}した内容^{ないよう}を振り返^{かえ}って判断^{はんぱん}しましょう。

② Kỳ thi bán thời gian

- Kỳ thi vào tháng 3 chỉ dành cho hệ bán thời gian và hệ từ xa.
- Học sinh đã đậu kỳ thi của các trường quốc gia, công lập, tư lập khác sẽ không được đăng ký dự thi.
- Học sinh có thể đổi nguyện vọng từ bán thời gian sang từ xa hoặc ngược lại.
- Học sinh có thể cùng một lúc nộp đơn cho kỳ thi này và kỳ thi lần hai (được giải thích ở mục tiếp theo).

Bán thời gian	Phiếu điều tra (Bảng thành tích), kỳ thi kiểm tra học lực (Quốc ngữ, Toán, Tiếng Anh), phỏng vấn.
Từ xa	Phiếu điều tra (Bảng thành tích), phỏng vấn hoặc bài luận.

③ Kỳ thi lần hai

- Các trường toàn thời gian, bán thời gian và từ xa sẽ nhận đơn lần hai khi số lượng thí sinh lần một không đủ chỉ tiêu.
- Không phải tất cả các trường đều nhận đơn lần hai. Hội đồng giáo dục tỉnh Kanagawa sẽ thông báo danh sách trường nhận đơn lần 2 vào ngày thông báo kết quả thi.
- Học sinh nào đã đậu kỳ thi của trường quốc gia, công lập, tư lập khác thì không được nộp đơn nữa.

Kỳ thi chung	Toàn thời gian và bán thời gian (không có lớp tối)	Nhiều trường xét tuyển dựa vào Phiếu điều tra (Bảng thành tích) và kỳ thi kiểm tra học lực (Quốc ngữ, Toán, Tiếng Anh). Cũng có trường tổ chức phỏng vấn.
Kỳ thi bán thời gian và từ xa	Bán thời gian tối	Phỏng vấn
	Từ xa	Phỏng vấn hoặc nộp bài luận



Lưu ý: “Shigan henko (đổi nguyện vọng)”

- Sau khi nộp đơn, học sinh được đổi trường dự thi chỉ một lần mà thôi.
- Tuy nhiên, em nên quyết định trường dự thi dựa trên những gì em đã thảo luận với giáo viên chứ đừng chỉ dựa trên tỉ lệ chọi của các trường.

(2) 私立

高校によって採用している入試方法は違います。

三者面談でどの入試方法がいいのか、できるのか、担任の先生に相談することがとても大切です。

① 一般入試

- ・内申点を重視した入試方法です。
- ・私立高校から言われた『内申点〇点以上』の基準をクリアして受験すれば基本的に合格。
- ・遅刻・欠席数が参考にされることもあります。
- ・願書提出前の12月中旬に中学校と私立高校で話し合いが行われ、高校から合格の可能性が伝えられます。

推薦入試

それぞれの高校が推薦基準を決めている(内申点や遅刻・欠席数)。それをクリアした生徒は中学の校長先生の推薦を受け、受験。面接や作文はあるが、学力試験はない。合格したら、ほかの高校は公立も含め受験できない。

書類選考

学力検査や面接をしないで、調査書などの出願時の提出書類だけで合否が決まる。公立高校と併願できる高校もある。

専願 (単願)

『他の高校を受験しない』ことを約束して、高校が決めた内申点などをクリアすると受験できる。学力検査はあるが、基本的に落ちない。

併願 (すべりどめ)

高校が決めた内申点などをクリアすると受験できる。内申点の基準は専願よりも高い。学力検査や書類選考もあるが、基本的に落ちない。公立高校の受験の前に合否がわかる。

基本的に成績に『1』がついたら、
①一般入試の受験は難しくなってしまいます。



(2) Tư lập

Mỗi trường cấp 3 tư lập có một hình thức thi tuyển sinh riêng. Em nên thảo luận với giáo viên xem hình thức thi nào phù hợp với em trong buổi họp phụ huynh – học sinh – giáo viên.

① Kỳ thi chung

- Điểm trong Bảng thành tích rất quan trọng trong kỳ thi này.
- Về cơ bản, nếu học sinh đạt đủ số điểm trong Bảng thành tích theo yêu cầu của trường thì chỉ cần thi kỳ thi này là sẽ được nhận vào trường.
- Cũng có trường sẽ xem xét cả số lần đi học trễ và số ngày nghỉ học.
- Trước khi học sinh nộp hồ sơ, vào giữa tháng 12 sẽ có một cuộc họp giữa trường cấp 2 và trường cấp 3 tư lập, trong cuộc họp này trường cấp 3 sẽ thông báo có khả năng đậu vào trường hay không.

Kỳ thi đầu vào dành cho học sinh được tiến cử	<p>Điều kiện xét tuyển của mỗi trường cấp 3 mỗi khác (điểm thành tích, số lần đi học trễ và số ngày nghỉ học, v.v.)</p> <p>Học sinh nào đủ điều kiện sẽ được hiệu trưởng trường cấp 2 tiến cử cho kỳ thi đầu vào cấp 3.</p> <p>Học sinh sẽ được phỏng vấn và viết bài luận nhưng không cần thi kỳ thi kiểm tra học lực. Nếu đỗ, học sinh sẽ không được dự thi các trường tư cũng như trường công khác.</p>
Xét hồ sơ	<p>Nhà trường sẽ quyết định nhận hay không nhận học sinh chỉ bằng hồ sơ học sinh đã nộp chẳng hạn như Phiếu điều tra (Bảng thành tích, Biên bản học tập) mà không cần phỏng vấn hay thi kỳ thi kiểm tra học lực.</p> <p>Một vài trường tư cho phép học sinh nộp hồ sơ trong khi đang nộp hồ sơ ở trường công.</p>
Sengan (Tangan) - Nguyện vọng duy nhất	<p>Học sinh có thể dự thi sau khi cam kết không thi trường khác và có điểm thành tích cấp 2 đạt yêu cầu của nhà trường.</p> <p>Mặc dù học sinh phải thi kỳ thi kiểm tra học lực nhưng về cơ bản thì tất cả các thí sinh đều được nhận.</p>
Heigan (Suberidome) – Nguyện vọng nhiều trường	<p>Học sinh có thể dự thi nếu có điểm thành tích cấp 2 đạt yêu cầu của nhà trường. Điểm yêu cầu của nhà trường sẽ cao hơn so với thí sinh nguyện vọng duy nhất.</p> <p>Sẽ có kỳ thi kiểm tra học lực và vòng xét hồ sơ nhưng về cơ bản thì tất cả các thí sinh đều được nhận.</p> <p><u>Kết quả thi sẽ được công bố trước khi học sinh dự thi trường cấp 3 công lập.</u></p>



Về cơ bản, nếu em có điểm “1” trong Bảng thành tích thì em khó có cơ hội được dự thi kỳ thi chung nêu ở mục ①.

②オープン型入試

- ・①一般入試のように事前の相談はなく、入試当日の筆記試験の成績だけで合格が決定。
- ・自分の実力を試してみたい場合や内申点が良くなく、併願の成績基準より低いときにこの方法を選ぶ人が多いです。
- ・ただし、この入試方法を採用している高校の多くは、偏差値の高い上位校です。

③特待生入試(制度)

- ・成績が良い生徒や、部活動などで好成绩をとった生徒には学費の一部または全部が免除される特待生入試(制度)があります。
- ・成績基準や学費免除額(安くなる金額)は高校ごとに違います。
- ・高校によっては併願として特待生入試を受けられるところもあります。
- * 成績基準や学費免除額、併願として使えるかは高校によって違うので、募集要項や学校説明会で確認したり、担任の先生に相談したりしてください!!

コラム『併願入試(すべりどめ)』

私立の入学金や授業料などが払えないために、併願は無理だというご家庭があります。しかし公立(特に全日制)だと、受験のチャンスはほぼ1回のみになり、試験時のプレッシャーはとて大変な大きくなってしまいます。併願入試は公立前に合否がわかるだけでなく、「受験はどういうものか」という練習にもなります。ですから子どもが受験当日に安心して実力を出せるように、併願校を決めておいた方がいいでしょう。また、高校によっては公立受験前に合格がわかっただけですぐに入学金を支払わなければならない高校もあります。ですから併願校を決める際は、公立の合格発表まで入学の支払いを待ってくれる(延納ができる)のかどうか確認が必要です。



② Kỳ thi mở

- Nhà trường sẽ chỉ dựa vào kết quả thi viết để quyết định đỗ hay không đỗ, mà không cần có buổi nói chuyện trước như kỳ thi chung ①.
- Nhiều học sinh đăng ký thi kỳ thi mở này vì muốn kiểm tra xem thực lực của mình đến đâu hoặc vì điểm Bảng thành tích không tốt, thấp hơn điểm chuẩn của “Nguyện vọng nhiều trường”.
- Tuy nhiên, cần lưu ý là đa số những trường cấp 3 chọn phương pháp tuyển sinh này là những trường có thứ hạng cao.

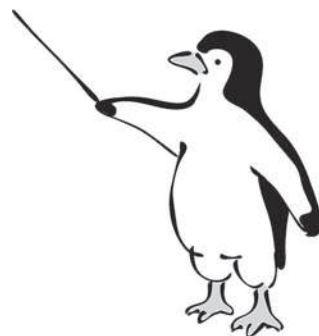
③ Kỳ thi (chế độ) dành cho học sinh có học bổng

- Đây là kỳ thi (chế độ) dành cho học sinh được miễn học phí một phần hoặc toàn phần do có thành tích tốt trong học tập hoặc trong câu lạc bộ ngoại khóa.
- Mỗi trường có điểm chuẩn và mức miễn giảm học phí khác nhau.
- Cũng có trường cho phép học sinh đăng ký dự thi kỳ thi này bằng hồ sơ “Nguyện vọng nhiều trường”.
- * Mỗi trường sẽ có quy định riêng về điểm chuẩn của Bảng thành tích, số tiền miễn giảm, có đăng ký được bằng Nguyên vọng nhiều trường hay không, vì vậy em hãy xem kỹ hướng dẫn tuyển sinh, hỏi kỹ thông tin trong buổi giới thiệu trường (setsumeikai) và hỏi giáo viên chủ nhiệm.

Lưu ý: “Heigan (Suberidome) – Nguyên vọng nhiều trường”

Vài gia đình không thể theo nguyện vọng nhiều trường vì không đủ tiền đóng tiền nhập học và tiền học phí vào trường tư lập, v.v. Tuy nhiên, nếu học sinh phải chọn chỉ một trường công lập (đặc biệt là toàn thời gian) thì cơ hội để thi đầu vào chỉ có một lần và áp lực khi thi sẽ rất lớn. Bằng cách đăng ký nguyện vọng nhiều trường, học sinh có thể biết kết quả thi trước khi thi kỳ thi đầu vào trường công lập, đây là một cơ hội diễn tập tốt để học sinh có thể hình dung được thi đầu vào là như thế nào. Vì vậy, đăng ký nguyện vọng nhiều trường là một ý kiến hay, giúp học sinh có thể yên tâm và phát huy hết khả năng trong ngày thi đầu vào trường công lập.

Hơn nữa, vài trường cấp 3 tư lập còn yêu cầu học sinh đóng học phí ngay sau khi thông báo kết quả thi trước khi học sinh kịp thi kỳ thi đầu vào của trường công lập. Vì vậy, khi nộp nguyện vọng nhiều trường, em nên hỏi xem liệu trường tư lập có thể đợi học phí cho đến khi có kết quả kỳ thi đầu vào trường công lập hay không.



3. 外国につながる子どもの受検

在県外国人等特別募集と海外帰国生徒特別募集は、共通選抜とは別の募集枠です。つまり、ずっと日本で勉強している子どもと比べず、同じ特別募集で受検した人の中から合格者を決めます。限られた公立高校にしか特別募集はありません。

(1) 在県外国人等特別募集

条件

- ・外国籍を持っている+日本にいる年数が合計で6年以内(就学前期間は除く)
- ・または日本国籍を取って6年以内+日本にいる年数が合計で6年以内(就学前期間は除く)

試験

- ・学力検査は国語・数学・英語の3教科(ふりがな付)
- ・面接も行う

* この募集枠がある高校は日本語の授業や取り出し授業があります。取り出し授業とは、日本語が十分でない生徒に国語や社会を、少人数・やさしい日本語で教える授業のことです。

(2) 海外帰国生徒特別募集

条件

- ・日本国籍を持っている
- +保護者の勤務などの関係で、継続して2年以上海外に住んでいた人
- +帰国した日が試験の3年前の4月1日以降の人

試験

- ・学力検査は国語・数学・英語の3教科
- ・面接と作文も行う

特別申請受検

上の2つに当てはまらない場合は、ずっと日本で勉強している子どもたちと一緒に受検します。ただし条件に当てはまり、申請をすれば、特別なルールで受検することができます。先生に早めに相談しましょう!!

条件・海外から移住して6年以内

・学力検査などの問題にふりがながつく

試験・学力検査などの時間を延ばせる(最大1.5倍)

・面接時、面接官が簡単な日本語でゆっくり話す

★先生へ：
申請書は『海外からの移住者等を保護者とする志願者の受検方法等申請書』(第5号様式)といひます。



3. Kỳ thi dành cho học sinh có yếu tố nước ngoài

Kỳ thi đặc biệt dành cho học sinh nước ngoài trong tỉnh và học sinh trở về từ nước ngoài thì khác với kỳ thi chung. Nhà trường sẽ xét tuyển riêng trong số các thí sinh dự thi kỳ thi đặc biệt này mà không so sánh với các thí sinh đã học ở Nhật trong một thời gian dài. Chỉ những trường cấp 3 được chỉ định mới có kỳ thi đầu vào đặc biệt này.

(1) Kỳ thi đặc biệt dành cho học sinh nước ngoài sống trong tỉnh

Điều kiện

- Học sinh phải có quốc tịch nước ngoài và số năm ở Nhật tổng cộng từ 6 năm trở xuống (ngoại trừ thời gian học mẫu giáo).
- Hoặc, học sinh lấy quốc tịch Nhật được 6 năm hoặc ít hơn và số năm ở Nhật tổng cộng từ 6 năm trở xuống (ngoại trừ thời gian học mẫu giáo).

Kỳ thi

- Kiểm tra học lực (Quốc ngữ, Toán, Tiếng Anh). Đề thi có in kèm chữ hiragana.
- Phỏng vấn.

* Trường cấp 3 nào có chế độ tuyển sinh này sẽ có lớp tiếng Nhật và lớp Toridashi (nhóm nhỏ).
Lớp Toridashi dành cho học sinh không đủ năng lực tiếng Nhật, lớp này sẽ dạy Quốc ngữ và Xã hội bằng tiếng Nhật đơn giản, dễ hiểu với số lượng học sinh ít.

(2) Kỳ thi đặc biệt dành cho học sinh về nước từ nước ngoài

Điều kiện

- Có quốc tịch Nhật Bản
- + Học sinh sống liên tục 2 năm ở nước ngoài do công việc của bố mẹ.
- + Ngày về nước: trong vòng 3 năm trước kỳ thi (tính từ ngày Một tháng Tư).

Kỳ thi

- Kiểm tra học lực (Quốc ngữ, Toán, Tiếng Anh).
- Phỏng vấn.

Kỳ thi đặc biệt

Trường hợp không đủ một trong hai điều kiện trên, học sinh phải thi cùng với các học sinh đã học lâu ở Nhật. Tuy nhiên, nếu học sinh đủ điều kiện và đăng ký dự thi thì sẽ được áp dụng chế độ đặc biệt này. Em nên hỏi sớm giáo viên về kỳ thi đặc biệt này!

Điều kiện

- Nhập cư vào Nhật được 6 năm hoặc ít hơn

Kỳ thi

- Đề thi có in kèm chữ hiragana.
- Được kéo dài thời gian thi (tối đa 1.5 lần)
- Khi phỏng vấn, người phỏng vấn sẽ dùng tiếng Nhật cơ bản và nói chậm

★ Gửi giáo viên:

Mẫu đơn đăng ký dự thi là mẫu 5 “Mẫu đơn dự thi dành cho học sinh có bố mẹ nước ngoài vào Nhật định cư”.

4. 志望校の決め方

(1) 3つのヒント

今までは決められた学校に通っていたのに
高校からは自分で決めろと言われても
どうやって決めるんだろ…。

そんなときはこの3つがヒントになります。

① 内申点・得点力

高校には、入試があります。
その入試に合格しなければ、入学することは
できません。ですから、自分の学力で合格できる
レベルの高校を選ぶことが大切です。その時に
参考にするのは内申点と試験で点数をとれるか
どうかです。もちろん、自分よりレベルの高い
高校を受験することはできますが、
周りとは協力しながら努力しな
ければなりません。



② 校風

高校によって雰囲気は違います。
行事が盛んな高校、勉強のサポートが手厚い高校、
部活動に力を入れている高校…。高校の特徴によって
真面目な子が多い、行事好きが多い、活発な子が多い
など集まってくる生徒もキャラが変わります。
自分はどんな雰囲気の高校に入りたいのか、
高校のパンフレットを見たり、
説明会、文化祭に行ったりして、
確認してくださいね。



③ 進学・就職実績

進学・就職実績も注目しておくべきポイントです。
大学進学よりも専門学校への進学や就職のほうが
多い高校では、就職に向けた指導に力が入られる
場合があります。大学受験をする人が多い高校では、
授業内容も大学受験に向けた内容になる場合が
多いです。将来の夢などがあれば、
その夢から逆算をして志望校を
決めることが重要です。



重要なんです。

4. Cách chọn trường để nộp nguyện vọng

(1) 3 lời khuyên

“Từ trước đến nay có người chọn trường học cho em. Bây giờ bảo em phải tự chọn trường cấp 3, em biết phải chọn làm sao đây!”

Em hãy theo 3 hướng dẫn sau đây:

② Văn hóa trường

Mỗi trường cấp 3 có một nét văn hóa riêng, chẳng hạn như có trường thì tổ chức rất nhiều sự kiện, có trường thì rất mạnh về mặt hỗ trợ học sinh học tập, có trường lại tập trung vào các câu lạc bộ ngoại khóa...

Tùy đặc trưng của trường mà có trường sẽ có nhiều học sinh chăm chỉ học tập, có trường sẽ có nhiều học sinh hăng hái tổ chức các sự kiện hoặc có trường lại có nhiều học sinh năng động hoạt bát... Em hãy xem tờ bướm giới thiệu về trường, đi nghe các buổi

giới thiệu trường (setsumeikai), tham gia các lễ hội văn hóa... để xem em phù hợp với kiểu trường nào.



① Điểm thành tích – Khả năng đạt được điểm trong kỳ thi đầu vào

Trường cấp 3 có kỳ thi đầu vào.

Nếu em không đỗ kỳ thi này thì em không thể vào học được. Vì vậy chọn trường nào em thấy mình có khả năng thi đỗ là rất quan trọng. Khi chọn trường, em cần xem xét điểm thành tích cấp 2 của mình và nhắm xem em có lấy được điểm trong kỳ thi đầu vào cấp 3 hay không. Dĩ nhiên em có thể dự thi vào trường vượt quá khả năng của mình, nhưng nếu như vậy thì em cần phải nỗ lực hết sức và cần sự hỗ trợ của mọi người xung quanh.



③ Thành tích đỗ đại học, senmon – đỗ vào công ty

Em cũng nên xem xét thành tích của nhà trường về việc học lên hoặc vào làm nhân viên công ty sau khi tốt nghiệp. Trường có nhiều học sinh ra đi làm hoặc học lên senmon hơn là đại học, thì đây là trường có khuynh hướng tập trung vào chương trình đào tạo cho nghề nghiệp trong tương lai. Ngược lại, trường có nhiều học sinh thi đại học là trường có nội dung giảng dạy tập trung vào kỳ thi đại học. Nếu em có ước mơ cho tương lai, hãy chọn trường dựa trên ước mơ của em.

(2) 高校決めに大切なイベント2つ

① 三者面談…子どもと保護者が先生に相談し、進路を決める大切な時間

ポイント

1年～2年生：親は子どもについて心配していることを相談。
成績を上げる方法を聞く。

3年生後半：子どもが受けられる高校のレベルを相談。
受験生になった子どもに対する接し方の相談。
受験校の入試方法・学費などについてわからないことを質問。



★専願やサポート校(p. 17)などを受験希望の場合は、早くから準備することで
選択肢が広がるので、早めに相談するといいいでしょう。

② 学校説明会・文化祭…3年間通うことになる高校について知るいい機会

ポイント

説明会や文化祭に行くの良いことがたくさんあります。

- ・授業やカリキュラムなど学校のことわかる。
- ・生徒や先生の雰囲気を感ぜられる。
- ・面接時に『来たことあります!』と言える。

私立はさらに

- ・相談会に行くと、パンフレットに載っていない成績基準や課外活動の加点について教えてもらえる。
- ・説明会に参加することで加点される。

★近年、私立はネット出願が増えてきましたが、
高校に直接、出願書類をもらいにいかなければならないところもあるので注意!
合同説明会でももらえるので、活用するといいいでしょう。

説明会は第1志望だけでなく、できるだけ候補のすべての

志望校に参加して、学校の雰囲気を確認してください。

友達同士だけでなく、親と一緒にいくことをオススメします。



(2) 2 sự kiện quan trọng giúp chọn trường cấp 3

① Cuộc họp bố mẹ - giáo viên - học sinh

Đây là cơ hội quan trọng cho học sinh và bố mẹ thảo luận với giáo viên để quyết định con đường sắp tới.



Điểm quan trọng

Năm 1 và năm 2 : Bố mẹ thảo luận với giáo viên về những vấn đề bố mẹ đang lo lắng cho con mình và nghe giáo viên nói về các phương pháp nâng cao thành tích học tập.

Nửa cuối năm 3 : Bố mẹ thảo luận với giáo viên về các trường cấp 3 mà con mình có thể vào được, về cách trao đổi với con khi con đang học thi, về cách thức dự thi và học phí...

★ Trường hợp học sinh dự thi sengan (nguyện vọng duy nhất) và thi vào các trường hỗ trợ, học sinh nên thảo luận sớm với giáo viên vì nếu chuẩn bị từ sớm thì học sinh sẽ có nhiều lựa chọn hơn.

② Buổi giới thiệu trường (setsumeikai) – Lễ hội văn hóa

Đây là cơ hội tốt để em biết về ngôi trường mà em sẽ theo học trong 3 năm tới.



Điểm quan trọng

Có rất nhiều điểm lợi khi em đi dự buổi giới thiệu trường hoặc lễ hội văn hóa của trường

- Em sẽ hiểu hơn về trường như là về nội dung học và lịch trình học tập.
- Em sẽ cảm nhận được bầu không khí trong trường qua các bạn học sinh và các giáo viên.
- Em có thể nói rằng “Em đã đến thăm trường” trong kỳ thi phỏng vấn.

Trường tư còn có nhiều điểm lợi hơn

- Nếu em đi dự buổi giới thiệu trường, nhà trường sẽ cho em biết về điểm chuẩn và điểm cộng hoạt động ngoại khóa mà hai điều này không được ghi trong tờ bướm giới thiệu trường.
- Nhà trường sẽ cho em thêm điểm cộng khi em tham dự buổi giới thiệu trường.

★ Gần đây, nhiều trường tư lập yêu cầu học sinh nộp đơn online. Tuy nhiên em cần chú ý vì có vài trường vẫn yêu cầu học sinh trực tiếp đến tham quan trường để lấy hồ sơ dự thi. Lưu ý là trong buổi giới thiệu tập trung nhiều trường em cũng có thể nhận được hồ sơ.



Em nên đến tham dự tất cả các buổi giới thiệu trường của tất cả các nguyện vọng chứ không chỉ của nguyện vọng 1. Hãy đến và trải nghiệm bầu không khí của ngôi trường. Em nên đi cùng bố mẹ chứ không chỉ đi cùng bạn bè.

ねんかん 5. 3年間のスケジュール

ねん
1年

- ・基礎になることを勉強するので、油断しないでね
- ・特に英語、数学、国語は積み重ねの勉強なので、本当に大事

ねん
2年

- ・部活や学校行事など、めいっぱい頑張ってみよう！
- ・学校生活重視!! 調査書に載るのは、成績だけじゃない!
- ・学年末の成績は調査書に載りますよ
 - * 学年末の成績は1年間の総合評価なので、学年末だけ頑張ればいわけではありません

ねん
3年

- 春休み～：今まで習ったことを少しずつ復習!
成績は1学期の初めから意識してね!
- 夏休み：学校説明会や体験入学に行ってみましょう♪
面接シートの準備が始まります
- 秋ごろ：私立の成績基準が募集要項に記載され始めます
文化祭に行ってみよう♪
模試を受けてみます
受験校を決めます
- 1月ごろ：出願する
受験する
合格発表がある



もちろん、中学校生活は行事に部活、遊んだり語り合ったり、思いっきり楽しんでいいですよ!!
ただ、3年生は将来の自分の道を決める大切なときです。
時にはこのままでいいのか、しっかり考えて、行動してくださいね!

コラム『模擬試験(模試)』

秋ごろになってくると、模擬試験が本格的に始まります。

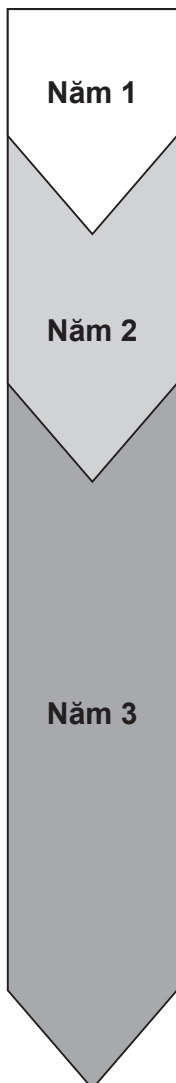
模擬試験は試験会場に行き、入試のように1日かけて5教科の試験を受けます。

志望校を記入すると、同じ高校を希望している人の中でのランキングを知ることが



ができます。1日中テストという受験の練習にもなるので、受験料は1回5,000円前後と安くはありませんが、1回は受けたほうがいいです。

5. Lịch trình 3 năm ở cấp 2



- Em sẽ được học về kiến thức nền tảng vì vậy em đừng lơ là việc học trong năm 1 này.
- Đặc biệt, Tiếng Anh, Toán, Quốc ngữ là những môn mà em phải học để tích lũy dần kiến thức nên rất quan trọng.

- Em hãy tham gia hết mình vào các hoạt động câu lạc bộ và các sự kiện của trường. Cuộc sống học đường rất quan trọng. Những gì giáo viên của em viết vào Phiếu điều tra (Chousa Sho) không chỉ là điểm số mà thôi.
- Điểm học tập cuối năm học của em sẽ được ghi vào Chousa Sho.
* Kết quả cuối năm là đánh giá tổng kết của cả năm, vì vậy nếu chỉ cố gắng vào cuối năm thôi thì sẽ không đủ.

Kỳ nghỉ xuân : Ôn tập từng chút một những gì đã học từ trước đến nay
Hãy ý thức kết quả học tập của em ngay từ đầu học kỳ 1

Kỳ nghỉ hè : Em hãy đi tham dự các buổi giới thiệu trường và các buổi nhập học thử. 🎵

Bắt đầu chuẩn bị phiếu phỏng vấn.

Khoảng mùa thu : Điểm chuẩn của các trường tư lập sẽ được công bố ở mục điều kiện tuyển sinh.

Em hãy thử đi tham dự lễ hội văn hóa 🎵

Tham gia thi thử

Quyết định trường sẽ dự thi

Khoảng tháng 1 : Nộp hồ sơ

Dự thi

Có kết quả

Enjoy ★ Junior high school

Đương nhiên là em có thể tận hưởng cuộc đời học sinh cấp 2 như em mong muốn chẳng hạn như tham gia các sự kiện của trường, các câu lạc bộ ngoại khóa, đi chơi với bạn bè. Tuy nhiên, năm 3 là thời kỳ quan trọng để em quyết định con đường tương lai. Thành thật em nên dừng lại và suy nghĩ xem em có đang đi đúng hướng không nhé.



Lưu ý: Kỳ thi thử (Mogishiken, Moshi)

Vào khoảng mùa thu sẽ có nhiều đợt thi thử được tổ chức. Em sẽ đi đến trường thi và mất một ngày để thi 5 môn. Nếu em ghi tên trường em muốn vào thì em có thể biết được vị trí của mình so với các bạn có cùng nguyện vọng với em. Vì em có thể luyện tập được việc thi cả ngày, nên tuy lệ phí dự thi 5,000 yên thì không rẻ nhưng cũng đáng để em thử một lần nhỉ!

成績を上げる方法

脱・成績1

【ステージ1】 眠さと戦う。

とりあえず黒板に書いてあることをノートに写す。
プリントは隣の人に聞いたり、のぞいたりしてどうにかすべて埋める。
すると居眠り時間も少しずつ減って、成績1から脱出する第一歩。
『どうも好きじゃない』『意味がわからない』そんな科目も、
まずは戦意喪失しないで、ノートとプリントは書く！

【ステージ2】 提出物を出す。

ステージ1をクリアしていればノートが白紙じゃない。
プリントも埋まってる。そしたらもう先生に提出するだけ！



授業中、起きている+提出物は出している(白紙じゃダメよ。笑)
これだけで成績は1から2にレベルアップできる!!
これはマジ。

今より 成績を上げる

【関心・意欲・態度】 努力が評価される

テストの点は良いが成績は上がらない人、苦手科目の成績を上げたい
人注目!! ノートやプリントは黒板に書かれたこと以外のメモも書く。
ワークは間違えた問題に赤で解説を書き込んだり、もう1回解いた
跡を残すことで、先生は『頑張っているな』と評価してくれるハズ。
他にも授業中やそれ以外の時でも、先生によくわからないことを
聞いてみてもOK!(ちなみにこれをするといざと記憶に残ってて、
テスト前も助かるのよ)

【小テスト】 定期テストより範囲は狭い

小テストは覚えるだけ!!(それが大変なんだけどねー)
1個でも2個でも(できれば10個。欲を言えば全部。笑)覚えてみよう!
テスト前の休み時間は、近くの席の子と問題を出し合ってみるとgood!!
(意外とそこからテストに出たりするのよ、これが)

Phương pháp nâng cao thành tích học tập

Thoát khỏi điểm 1

【Bước 1】 Chiến đấu với cơn buồn ngủ

Em cứ chép tất cả nội dung trên bảng vào vở.

Giấy bài tập thì em hỏi hoặc nhìn bạn bên cạnh để điền vào cho đủ.

Làm như vậy thời gian buồn ngủ sẽ giảm xuống, đây là bước đầu tiên để thoát khỏi điểm 1.

Cả những môn mà “mình chả thích tí nào”, “chả hiểu gì” thì em cũng đừng đánh mất ý chí chiến đấu, hãy chép vào vở và điền vào giấy bài tập đầy đủ!

【Bước 2】 Nộp tập vở

Nếu em hoàn tất được bước 1 thì vở của em không phải là trang giấy trắng.

Giấy bài tập cũng điền đầy đủ rồi. Vậy em chỉ việc nộp cho giáo viên thôi!



Tinh táo trong giờ học + nộp tập vở giấy bài tập (không phải là để trắng nha!)

Chỉ như vậy thôi là em đã có thể tiến từ điểm 1 lên điểm 2 rồi! Thật đấy!

Nâng thành tích lên cao hơn hiện tại

【Mối quan tâm - động cơ - thái độ】 Nỗ lực của em sẽ được đánh giá

Em có điểm kiểm tra tốt nhưng thành tích không lên? Em muốn nâng thành tích những môn còn yếu? Em hãy ghi chú vào tập những nội dung ngoài bảng đen. Em hãy ghi bằng bút đỏ cách giải bên cạnh những bài tập em giải sai, và để lại dấu tích là em đã giải lại một lần nữa. Làm như vậy chắc chắn giáo viên sẽ đánh giá là em có cố gắng. Ngoài ra trong giờ học hoặc ngoài giờ học cũng được, em cứ hỏi giáo viên những chỗ em chưa hiểu. (Cũng nhờ vậy mà em sẽ nhớ bài lâu hơn và sẽ giúp ích cho em trước giờ kiểm tra.)

【Bài kiểm tra nhỏ】 Phạm vi hẹp hơn bài kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra nhỏ thì chỉ cần thuộc bài!! (Thuộc bài cũng đâu đơn giản nhì!)

Hãy cố gắng nhớ 1, 2 nội dung (Nếu được thì nên nhớ 10 nội dung... Mà tốt nhất là nên nhớ tất tần tật).

Lý tưởng nhất là hỏi bài nhau trong giờ nghỉ trưa trước khi kiểm tra. (Thực tế là những câu hỏi đó sẽ xuất hiện trong bài kiểm tra nhiều hơn em tưởng.)

6. 受験のスケジュール

* 2018年の例

月	公立			私立			
	共通選抜	定通分割	二次募集	推薦入試	書類選考	単願併願	オープン
12月				12月中旬 事前相談	12月中旬 事前相談	12月中旬 事前相談	
1月	1/29~1/31 出願			1/16 出願 1/22 面接 1/23 合格発表	1/24~2/5 出願	1/24 出願	1/25 出願
2月	2/14 学力検査 2/14~2/16 面接 (特色検査) 2/27 合格発表				2/10 合格発表	2/10 学力検査 2/11・12 合格発表	2/10 学力検査 2/13 合格発表
3月		3/1・2 出願 3/13 学力検査 3/13・14 面接 (特色検査) 3/20 合格発表	3/1・2 共通選抜 出願 3/8 学力検査 3/15 合格発表 3/20 定通分割 出願 3/22・23 出願 3/27 面接・作文 3/29 合格発表			2/27~3/2 二次出願 3/3・4 二次検査 合格発表	



6. Lịch thi cấp 3

* Ví dụ của năm 2018

	Công lập			Tư lập <small>Mỗi trường tư có một lịch thi riêng. Đây chỉ là ví dụ.</small>			
	Kỳ thi chung	Kỳ thi dành cho hệ bán thời gian – từ xa	Tuyển sinh lần hai	Kỳ thi dành cho học sinh được tiên cử	Xét hồ sơ	Nguyên vọng duy nhất – Nguyên vọng nhiều trường	Kỳ thi mở
Tháng 12.				Tháng 12 Giữa tháng Thảo luận trước 1/16 Nộp hồ sơ 1/22 Phòng vấn 1/23 Công bố kết quả	Tháng 12 Giữa tháng Thảo luận trước	Tháng 12 Giữa tháng Thảo luận trước	
Tháng 1		1/29 ~ 1/31 Nộp hồ sơ			1/24 ~ 2/5 Nộp hồ sơ 2/10 Công bố kết quả	1/24 Nộp hồ sơ 2/10 Thi kiểm tra học lực 2/11 · 12 Công bố kết quả	1/25 Nộp hồ sơ 2/10 Thi kiểm tra học lực 2/13 Công bố kết quả
Tháng 2		2/14 Thi kiểm tra học lực 2/14 ~ 2/16 Phòng vấn (Thi kiểm tra do trường chỉ định) 2/27 Công bố kết quả					2/27 ~ 3/2 Nộp đơn dự thi lần 2
Tháng 3		3/1 · 2 Nộp hồ sơ 3/13 Thi kiểm tra học lực 3/13 · 14 Phòng vấn (Thi kiểm tra do trường chỉ định) 3/20 Công bố kết quả	Kỳ thi chung 3/1 · 2 Nộp hồ sơ 3/8 Thi kiểm tra học lực 3/15 Công bố kết quả Kỳ thi dành cho hệ bán thời gian – từ xa 3/22 · 23 Nộp hồ sơ 3/27 Phòng vấn Bài luận 3/29 Công bố kết quả			3/3 · 4 Thi lần hai Công bố kết quả	

Và, từ tháng 4 sẽ bắt đầu cuộc sống của học sinh cấp 3 ♪



7. お金

(1) 受験料 (入試にかかるお金)

- 公立高校 全日: ¥2,200 定時: ¥950
- 私立高校 平均 ¥22,000 (東京・神奈川・千葉・埼玉の平均)

上のように公立高校より私立高校が高い金額で、かなり差があります。
併願を受けるときなどは受験料の総額を計算し、準備しておく必要があるでしょう。

(2) 学費 …下に書いた金額は一例です。学校によって金額は上下します。

公立	授業料	1年生		2年生		3年生	
		全日	定時	全日	定時	全日	定時
	教科書 教材	¥18,000		¥11,000		¥6,000	
	会費 など	¥81,500		¥73,500		¥75,500	
3年間合計 全日: 約¥700,000 定時: 約¥430,000	1年時だけ 入学金	¥5,650	¥2,100				
	制服	¥52,000					
	体操着	¥20,000					
	合計	¥295,950	¥206,000	¥203,300	¥116,900	¥200,300	¥113,900

* 専門学科などは、更に教材費などが加わります。

私立	授業料	1年生	2年生	3年生
		¥360,000~¥520,000	¥360,000~¥520,000	¥360,000~¥520,000
	教科書 教材	¥30,000	¥30,000	¥30,000
	会費 など	¥330,000	¥330,000	¥330,000
3年間合計 約¥2,460,000~ ¥3,090,000	1年時だけ 入学金	¥200,000~¥350,000		
	制服 など	¥100,000		
	合計	¥1,020,000~ ¥1,330,000	¥720,000~ ¥880,000	¥720,000~ ¥880,000

* 私立によっては、Yシャツや靴下なども指定される学校もあります。

7. Lệ phí

(1) Lệ phí thi (lệ phí cho kỳ thi vào cấp 3)

- **Trường công:** Toàn thời gian: **¥2,200** Bán thời gian: **¥950**
- **Trường tư:** Trung bình **¥22,000** (trung bình của Tokyo, Kanagawa, Chiba và Saitama).

Vậy là trường tư sẽ cao hơn trường công khá nhiều.

Nếu em có nguyện vọng thi nhiều trường, em cần chuẩn bị sẵn lệ phí cho tất cả các trường.

(2) Học phí ... Dưới đây chỉ là ví dụ. **Mỗi trường có một mức học phí riêng.**

		năm 1		năm 2		năm 3	
		Toàn thời gian	Bán thời gian	Toàn thời gian	Bán thời gian	Toàn thời gian	Bán thời gian
Công lập	Học phí	¥118,800	¥32,400	¥118,800	¥32,400	¥118,800	¥32,400
	Sách giáo khoa Giáo trình	¥18,000		¥11,000		¥6,000	
	Hội phí v.v.	¥81,500		¥73,500		¥75,500	
	Học phí cho năm 1	Phí nhập học ¥5,650	¥2,100	↓		↓	
	Đồng phục ¥52,000						
	Đồ thể dục ¥20,000						
	Tổng cộng	¥295,950	¥206,000	¥203,300	¥116,900	¥200,300	¥113,900

Tổng cộng 3 năm
Toàn thời gian:
khoảng ¥700,000
Bán thời gian:
khoảng ¥430,600

* Khoa chuyên môn thi còn mất thêm tiền giáo trình.

		năm 1	năm 2	năm 3
		Học phí	¥360,000 ~ ¥520,000	¥360,000 ~ ¥520,000
Sách giáo khoa Giáo trình	¥30,000	¥30,000	¥30,000	
Hội phí v.v.	¥330,000	¥330,000	¥330,000	
Học phí cho năm 1	Phí nhập học	¥200,000 ~ ¥350,000	↓	
	Đồng phục v.v.	¥100,000		
	Tổng cộng	¥1,020,000 ~ ¥1,330,000	¥720,000 ~ ¥880,000	¥720,000 ~ ¥880,000

Tổng cộng 3 năm
khoảng
¥2,460,000 ~
¥3,090,000

* Vài trường tư còn có chỉ định riêng về áo sơ mi và tất (vớ).

しょうがくきん 8. 奨学金など

* お金をもらえるのではなく、
結果として授業料が免除される制度

(1) 高等学校等就学支援金

- 【対象】 年収約910万円未満の世帯の生徒(公立・私立)
 【支給額】 月額¥9,900(公立・全日制)、月額¥2,700(公立・定時制)など
 【手続き】 進学先の高校で4月の入学時に行く。



(2) 私立高等学校等生徒学費補助金

- 【対象】 神奈川県に住み、神奈川県内の私立高校に通っている生徒
 【支給額】 入学金¥100,000+年額¥74,400~¥253,800
 【手続き】 6月ごろに高校を通じて申請する。



(3) 私立学校生徒学費緊急支援補助金

- 【対象】 神奈川県に住み、神奈川県内の私立高校に通っている生徒の学費負担者が
 解雇、倒産、長期療養などで世帯所得が一定以下になった場合
 【支給額】 年額¥178,200~¥297,000
 【手続き】 12月に学校からもらう書類で申請する。

(4) 横浜市高等学校奨学生

- 【対象】 保護者が市内在住(学校は市内・市外、公立・私立どちらでもOK)、
 評定平均4以上、世帯年収およそ800万円以下
 【支給額】 月額¥5,000(年額¥60,000)
 【手続き】 高校の決めた提出期限内に、必要書類を学校に提出する。

かわさしや横須賀市
 にも自治体の奨学金
 があります!

(5) 神奈川県高校生等奨学給付金

- 【対象】 神奈川県に住んでいる、非課税世帯または生活保護世帯
 【支給額】 公立:年額¥32,300~¥129,700
 私立:年額¥52,600~¥138,000

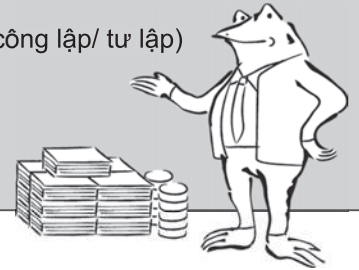
8. Các quỹ hỗ trợ và học bổng

(1) Quỹ hỗ trợ học phí *Học sinh sẽ được miễn giảm học phí (chứ không phải được nhận tiền).

【Đối tượng】 Học sinh mà gia đình có thu nhập năm dưới ¥9,100,000 (công lập/ tư lập)

【Số tiền】 ¥9,900 (công lập, toàn thời gian),
¥2,700 (công lập, bán thời gian) một tháng v.v.

【Thủ tục】 Học sinh nộp đơn vào ngày nhập học vào tháng 4.



(2) Quỹ hỗ trợ học phí trường tư lập tỉnh Kanagawa

【Đối tượng】 Học sinh sống ở trong tỉnh Kanagawa, vào học trường tư trong tỉnh Kanagawa.

【Số tiền】 Kỳ thi đầu vào ¥100,000 + ¥74,400 ~ ¥253,800 một năm.

【Thủ tục】 Nộp đơn xin học bổng thông qua nhà trường vào tháng 6.

(3) Quỹ hỗ trợ đặc biệt trường tư lập tỉnh Kanagawa

【Đối tượng】 Học sinh sống ở trong tỉnh Kanagawa, theo học trường tư trong tỉnh Kanagawa và người đóng học phí cho học sinh đó bị sa thải, phá sản, trị bệnh trong thời gian dài, thu nhập của gia đình thấp hơn mức quy định.

【Số tiền】 ¥178,200 ~ ¥297,000 một năm.

【Thủ tục】 Nộp đơn thông qua nhà trường vào tháng 12.

(4) Học sinh được học bổng trường cấp 3 của thành phố Yokohama

【Đối tượng】 Bố mẹ học sinh phải sống ở trong thành phố Yokohama (trường của học sinh có thể là trong hoặc ngoài Yokohama, công lập hay tư lập đều được). Điểm đánh giá trung bình phải là 4 trở lên. Thu nhập một năm của gia đình phải dưới ¥8,000,000.

【Số tiền】 ¥5,000 một tháng (¥60,000 một năm)

【Thủ tục】 Học sinh phải nộp các hồ sơ cần thiết cho nhà trường theo hạn định.

Thành phố Kawasaki và Yokosuka cũng có hệ thống học bổng do thành phố quản lý.

(5) Học bổng học sinh trường cấp 3 tỉnh Kanagawa

【Đối tượng】 Gia đình sống ở trong tỉnh Kanagawa, thu nhập dưới hạn mức thuế hoặc đang nhận trợ cấp.

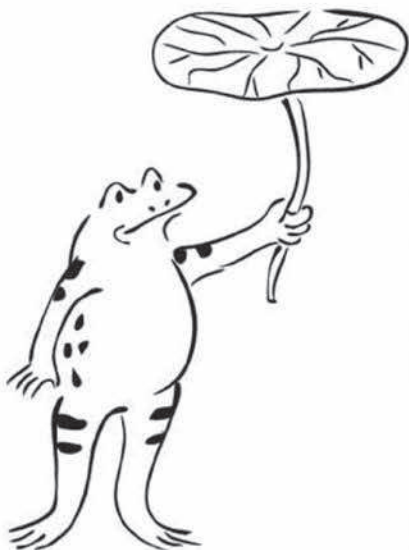
【Thủ tục】 Công lập : ¥32,300 ~ ¥129,700 một năm.

Tư lập : ¥52,600 ~ ¥138,000 một năm.

9. 保護者の方へ

志望校選び

志望校を決める際、つい子どもを思いこころはダメ、ここの方がいいんじゃないの？ と思ってしまうがち。子どもが通う学校なので、親が一方向的に押し付けず、子どもの学力と向き合いながら、子どもの希望する高校生活や将来にやりたいことはないか、聞いてみてください。普段からそういう習慣がないと、話さずらく会話がつかないかもしれませんが、自分の意見を聞いてもらえているということが、自信になります。ぜひこれを機に、大人になっていく子どもの話を聞いてみませんか？



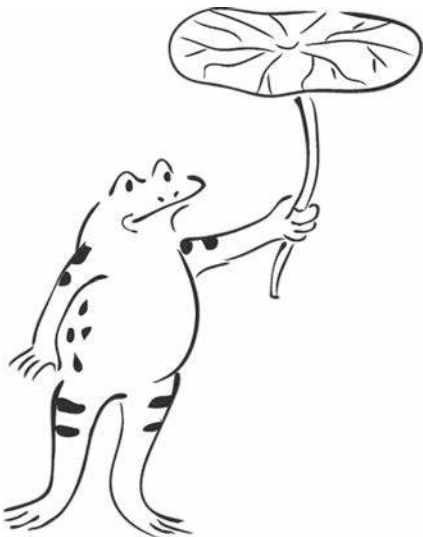
お金

子どもの高校受験を行う中で精神的なサポート以外に、お金のサポートも必要です。一度に大きな金額が必要になるので、事前の貯金が大切です。また、受験料や入学金の振り込みは、昼間しかできませんが、子どもは授業中です。振り込みが期日を過ぎてしまったため、『受験できない』『入学できない』ということが実際に起きました。確実に支払えるようにお金の準備と期日の確認をしましょう。

9. Kính gửi quý phụ huynh

Chọn trường

Phụ huynh thường có khuynh hướng chọn trường cho con theo ý của mình. Ví dụ như: "Trường này không được. Trường kia có vẻ được hơn". Xin đừng áp đặt ý kiến một chiều lên các con, mà xin hãy đối diện với thành tích học tập của chúng và thử hỏi xem chúng muốn học ở một ngôi trường cấp 3 như thế nào, sau này chúng muốn làm nghề gì. Nếu chúng ta không thường xuyên trao đổi với con cái thì có thể chúng ta sẽ khó mở lời và cuộc nói chuyện cũng sẽ không kéo dài. Tuy nhiên, con chúng ta sẽ cảm thấy tự tin hơn khi được cha mẹ lắng nghe ý kiến. Đây chính là một dịp rất tốt để quý phụ huynh lắng nghe suy nghĩ của những đứa con đang trưởng thành của mình.



Tiền

Ngoài việc hỗ trợ tinh thần trong lúc các con học thi cấp 3, phụ huynh còn phải hỗ trợ cho các con cả về mặt tài chính. Cùng một lúc phải tốn một số tiền lớn, vì vậy phụ huynh cần tích lũy từ trước. Ngoài ra, phụ huynh chỉ có thể đóng lệ phí thi và phí nhập học bằng hình thức chuyển khoản vào ban ngày, mà lúc đó con chúng ta đang học ở trường. Trên thực tế cũng đã xảy ra trường hợp là vì quá hạn chuyển khoản nên có những học sinh không thể dự thi hoặc không thể nhập học được. Vì vậy xin quý phụ huynh chuẩn bị sẵn số tiền cần thiết và xác nhận kỹ thời hạn đóng tiền.

10. 高校卒業後の進学

高校にも入学していないのにもう進学?! わからないよ! という声が聞こえてきそうです。でも高校は中学のようにあっという間。高校卒業後、どんな進路の選択肢があるのか知っておいて損はありません。なぜならば、大学入試にも高校の成績が影響したり、好成績を取っていると、大学や専門学校に推薦で受験することができるからです。また、高校卒業後の進学でもお金がかかるため、その準備が必要だからです。

(1) 大学 …幅広い教養を身につけたり専門的な分野を研究・調査したりする

国公立		私立	
お金	受験	お金	受験
約55万円/年 (入学金約30万円)	受験科目は5教科以上 合格が難しい	約100万円/年 (入学金約25万円)	ほとんど3科目受験 様々なレベルがある

- ・ **大学** : 4～6年間で卒業する大学(6年は医学部や薬学部など)。
- ・ **短期大学** : 2～3年で卒業する大学。「短大」とも言う。
- * 授業の時間帯によって『昼間部』と『夜間部』がある。

【専門分野(学部)の例】
文学、外国語学、法学、教育学、心理学、経済学、工学、医学、農学、薬学、看護学、体育学、芸術学など

(2) 専門学校 …職業に必要な知識やスキル、資格を身につける

- お金** : 約50万円～約110万円/年
(入学金約10万円～30万円) * 専門分野ごとにより金額に差があります。
- 課程** : 2～3年間で卒業する(3年は医療系)。

【専門分野の例】
コンピューター、ゲーム、Web、調理、製菓、栄養、公務員、語学、漫画、デザイン、機械、福祉、保育、旅行、ホテル、ビジネス、音楽、スポーツ、自動車、航空、動物、園芸、農林業、メイク、ファッション、マスコミ、芸能など

10. Học lên sau khi tốt nghiệp cấp 3

Nhiều học sinh có thể nghĩ rằng: “Chưa vô cấp 3 mà đã lo đại học à? Em chưa biết nữa!” Tuy nhiên, thời gian học cấp 3 cũng sẽ trôi qua rất nhanh, như cấp 2 vậy. Biết trước con đường mình sẽ đi sau khi tốt nghiệp cấp 3 là một điều hay. Lý do là vì kết quả học tập ở cấp 3 có ảnh hưởng đến kỳ thi đại học, và nếu em có kết quả học tập tốt, em có thể thi đại học hoặc senmon theo chế độ tiến cử. Ngoài ra, em còn cần phải chuẩn bị tài chính để học tiếp lên cao sau khi tốt nghiệp cấp 3.

(1) Trường đại học ... Học sinh được học kiến thức dần trải và nghiên cứu về một lĩnh vực chuyên môn.

Công lập	Tư lập
Chi phí Khoảng ¥550,000 một năm (Khoảng ¥300,000 phí nhập học)	Chi phí ¥1,000,000 một năm (Khoảng ¥250,000 phí nhập học)
Kỳ thi đầu vào 5 môn trở lên Khó đỗ	Entrance exam Đa phần là 3 môn Có nhiều trình độ

Số năm học

- **Đại học** : Mất 4 đến 6 năm để tốt nghiệp (6 năm cho ngành Y và ngành Dược).
- **Cao đẳng** (còn được gọi là "Tandai") : Mất 2 đến 3 năm để tốt nghiệp.
- * Có lớp ngày và lớp tối.

【Ví dụ về các lĩnh vực chuyên môn】

Văn học, Ngoại ngữ, Luật, Giáo dục, Tâm lý, Kinh tế, Cơ khí, Y, Nông nghiệp, Dược, Điều dưỡng, Thể chất, Nghệ thuật, v.v..

(2) Trường senmon ... Học sinh được học về kiến thức, kỹ năng, chứng chỉ cần thiết cho công việc

Chi phí

Khoảng từ ¥500,000 đến ¥1,100,000 một năm (Tiền nhập học khoảng từ ¥100,000 đến ¥300,000) * Chi phí khác nhau tùy lĩnh vực chuyên môn

Số năm học

Lần 2 – 3 năm để tốt nghiệp (ngành Y là 3 năm).

【Ví dụ về các ngành chuyên môn】

Máy tính, Game vi tính, Web, Nấu ăn, Làm bánh kẹo, Dinh dưỡng, Công chức, Ngôn ngữ, Hoạt họa, Thiết kế, Máy móc, Phúc lợi xã hội, Mầm non, Du lịch, Khách sạn, Thương mại, Âm nhạc, Thể thao, Xe ô tô, Hàng không, Động vật, Làm vườn, Nông lâm nghiệp, Trang điểm, Thời trang, Truyền thông, Giải trí, v.v.

11. Q & A

★たくさん中学校を休んでしまったのですが、高校受験できますか？

できます。公立高校では長い間休んだ生徒のための受検方法があるので、担任の先生に相談してください。また、中学校の勉強からもう一度学べ、卒業できるように支援してくれるサポート校(私立通信制)もあります。

★先生へ：
申請書は『長期の欠席を理由とする
せんぽうほうほう』(第7～9号方式)と
いいます。



★定時制高校はどんなところ？

定時制高校は基礎から学ぶことができ、学校生活のサポートが充実しているところもあります。また、神奈川県には夜の定時制だけでなく、昼間部や昼夜部など日中に通える定時制高校もあります。

★単位制高校ってなに？

高校には学年制と単位制の2種類があります。
・学年制…中学校の時のように、3学年進級して卒業する
・単位制…卒業に必要な単位を取って卒業する
単位制高校の方が授業の種類が豊富で、自由に選べるところが多いです。
単位制の仕組みがよくわからなくても、入学後に高校でフォローしてくれます。

★高校生になったらアルバイトはできるの？

「高校生になったら、アルバイトして稼ぐんだ!!」と思っている人もいるでしょう。しかし、アルバイトが禁止または書類を提出しなければならない高校もあります。学校説明会の時などに確認をしておいた方がいいでしょう。

★成績が良くなくても、卒業はできるの？

いいえ。高校は義務教育ではないので、欠席が多かったり成績が悪かったりすると、卒業や進級はできません。高校には留年や退学があります。
・留年…進級するための成績が足りず、もう一度同じ学年で勉強すること
・退学…学校をやめること

11. Q&A Hỏi đáp

★ Ở cấp 2 em đã nghỉ học nhiều. Vậy em có thể thi cấp 3 không?

Em có thể thi cấp 3. Ở trường cấp 3 công lập có kỳ thi dành cho học sinh cấp 2 nghỉ học trong thời gian dài. Em hãy hỏi giáo viên chủ nhiệm. Ngoài ra còn có các trường hỗ trợ (hệ từ xa trường tư lập) sẽ hỗ trợ em học lại nội dung cấp 2 để em có thể tốt nghiệp.



★ Gửi giáo viên :
Đơn dự thi có tên là "Phương pháp dự thi dành cho học sinh nghỉ học dài ngày" (Mẫu đơn từ 7 đến 9).

★ Trường cấp 3 bán thời gian là trường như thế nào?

Là trường mà học sinh có thể học từ căn bản. Vài trường còn hỗ trợ học sinh rất nhiều trong cuộc sống học đường. Ngoài ra, ở Kanagawa ngoài lớp buổi tối còn có các lớp buổi sáng và buổi chiều.

★ Trường cấp 3 chế độ tín chỉ là trường như thế nào?

Trường cấp 3 có hai loại: một loại theo chế độ năm học, một loại theo chế độ tín chỉ.

- Chế độ năm học : Giống như cấp 2, học sinh lên lớp đủ 3 năm thì tốt nghiệp.
- Chế độ tín chỉ : Học sinh phải lấy hết các tín chỉ cần thiết để tốt nghiệp.

Trường cấp 3 theo chế độ tín chỉ có nhiều lớp hơn, ở nhiều trường, học sinh có thể chọn lớp tùy ý. Nếu em không hiểu chế độ tín chỉ là gì thì nhà trường sẽ theo sát hỗ trợ em sau khi em nhập học.

★ Em có thể đi làm thêm sau khi vào cấp 3 không?

Nhiều học sinh nghĩ rằng: "Sau khi vào cấp 3 mình sẽ đi làm thêm để kiếm thật nhiều tiền".

Tuy nhiên, cũng có trường không cho học sinh đi làm thêm hoặc yêu cầu học sinh nộp giấy tờ liên quan. Em hãy hỏi về vấn đề này khi đi dự buổi giới thiệu trường.

★ Em có thể tốt nghiệp nếu kết quả học tập không tốt không?

Không. Bởi vì trường cấp 3 không thuộc hệ thống giáo dục bắt buộc nên em không thể tốt nghiệp hoặc lên lớp nếu em thường xuyên nghỉ học hoặc kết quả học tập của em không tốt. Ở trường cấp 3, học sinh có thể bị lưu ban (ryuunen) hoặc bị buộc thôi học (taigaku)

- Ryuunen: Học lại một năm do kết quả học tập kém không thể lên lớp
- Taigaku: Thôi học

12. 体験談

【Aさん 日系ブラジル人・日本生まれ、日本育ち】

学校を選んだ理由は、文化祭に行ったときに生徒の自由さや学校の雰囲気を楽しそうだったからです。あとは、いろんな授業を自由に選んで面白そうだったと思ったからです。

大変だったことは勉強です。何から勉強すればいいのか、苦手な所もよくわからなかったもので、最初は何となく勉強していました。中3夏の模試の結果がものすごく悪いのを見て焦り、それからは毎日塾に行き、寝るまで勉強に集中しました。

面接は行きたい大学も調べて、自分のことを聞かれてもきちんと答えられるように何回も練習をしました。勉強で一番大切なことは復習だと思っていたから、問題を解いたら必ず復習をするようにしていました。まず中1～中3の総復習のテキストを買って解き、間違えた問題を理解できるまで調べ、3日後に復習していました。それが終わった後は、

模試の問題や過去問を解いて、曖昧な所や間違った所を解説やテキストを読んで復習しました。あとは暗記にいい青いペンや記憶力がのびる果物などを調べてできることを本当かわからないけど、効果があると信じてやりました。

私はギリギリで勉強を始めたので、本当に焦って休む暇もなくやっていたので、すごく大変でした。大変だったし、復習はしているけど頭の中に入っているかも不安だったので、受験本番まで一度も安心することができませんでした。

勉強は好きじゃないけど、コツコツやるのが大事なことだと思いました。

横浜市立みなと総合高校（公立・全日制）



【Bさん 日系ポリビア人・日本生まれ、小3～中2までブラジルで学ぶ】

自分がなぜこの高校を選んだかという、家から近くて、好きな科目を選べるからです。なぜ定時制にしたのかという、自分は帰国子女だからです。定時制は全日制より授業がやさしいので選びました。受験日当日に必要な準備は、心の準備だけです。自分が合格するというのを心に言うだけで緊張が和らいで、安心して試験ができます。大変だったことは、数学でした。自分は数学が苦手で、理解しても翌日には忘れていきます。

でも毎日勉強したおかげか、試験では数学だけ高かったです。頑張ったことは毎日休まず、勉強に取り組んだことです。

アドバイスは、受験をするときは覚悟を決めた方がいいです。もし不合格だったら自分の責任だから。勉強方法は2時間勉強したら、1時間休憩していました。ずっと勉強していると気がおかしくなるので休憩を長めにとりました。やる気が上がるコツとして、自分が合格して楽しい高校生活を送っているところを想像していました。

神奈川県立川崎高校（公立・定時制）



12. Kinh nghiệm của các học sinh khóa trước

[Bạn A, người Brazil gốc Nhật Bản, sinh ra và lớn lên ở Nhật Bản]

Lý do mình chọn trường này là vì sự tự do của học sinh và bầu không khí vui tươi trong trường mà mình cảm nhận được khi đi tham dự lễ hội văn hóa. Một lý do nữa là vì mình thấy thật thú vị khi có thể lựa chọn bất cứ giờ học nào mình muốn.

Vất vả nhất là khi học thi. Mình đã không biết nên bắt đầu học từ đâu, cũng như không biết là mình đang còn yếu phần kiến thức nào. Vì vậy lúc đầu mình đã học đại theo cảm giác. Kết quả thi thử vào mùa hè năm 3 cấp 2 rất thấp làm mình rất hoảng. Sau đó mỗi ngày mình đều đến lớp học thêm (juku) và tập trung học cho đến giờ đi ngủ.

Để chuẩn bị cho kỳ thi phỏng vấn, mình đã tìm hiểu trước về trường đại học và mình đã luyện tập nhiều lần để đảm bảo sẽ trả lời được các câu hỏi về mình. Mình nghĩ điều quan trọng nhất trong học tập là ôn tập. Vì vậy sau khi giải đề mình nhất định sẽ ôn tập lại. Đầu tiên mình đã mua và làm bài trong sách tổng ôn tập (sofukushu) từ năm 1 đến năm 3 của cấp 2, câu nào làm sai mình sẽ tra cứu cho đến khi hiểu rõ, 3 ngày sau mình ôn lại. Sau khi hoàn thành quyển sách đó, mình chuyển sang giải đề mẫu và đề của những năm trước. Chỗ nào chưa hiểu rõ hoặc làm sai mình đọc sách giải và sách giáo khoa, sau đó mình ôn lại. Ngoài ra mình còn dùng bút màu xanh tốt cho việc ghi nhớ và tìm hiểu về những loại trái cây tốt cho trí nhớ. Không biết là có hiệu quả thật không nhưng mình cứ tin là nó có hiệu quả.

Mình bắt đầu học luyện thi khá trễ nên mình đã học liên tục không nghỉ ngơi. Thật sự rất vất vả. Vất vả như vậy mà mình vẫn lo lắng không biết kiến thức có đi vào đầu hay không, cho dù mình có ôn lại. Mình lo lắng mãi cho đến kỳ thi thật.

Mình không phải là người thích học, tuy nhiên mình nghĩ quan trọng là sự cần cù.

Trường cấp 3 Sougo Minato do thành phố Yokohama lập (Công lập, toàn thời gian)



[Bạn B, người Bolivia gốc Nhật Bản, sinh ra ở Nhật Bản, từ năm lớp 3 cấp 1 đến năm lớp 2 cấp 2 học ở Brazil]

Lý do mình chọn trường này là vì gần nhà và mình có thể chọn môn học mình muốn. Lý do mình chọn hệ bán thời gian là vì mình là học sinh về Nhật từ nước ngoài. Mình chọn bán thời gian vì nội dung học dễ hơn của hệ toàn thời gian. Tất cả những gì bạn cần là chuẩn bị tinh thần. Chỉ cần tự nhủ: “Mình sẽ thi đỗ!”, vậy là hồi hộp sẽ không còn và bạn sẽ thi với tinh thần thoải mái.

Toán là một môn khó đối với mình. Mình không học giỏi môn này và mình sẽ quên những gì đã học vào ngày hôm sau. Vậy mà kết quả chỉ có điểm Toán là cao bởi vì mình đã học nó mỗi ngày. Mình đã học rất chăm chỉ cho kỳ thi vào cấp 3 mà không nghỉ ngày nào.

Lời khuyên của mình dành cho bạn là bạn hãy chuẩn bị thật kỹ, bởi vì nếu bạn không đỗ thì trách nhiệm vẫn là ở bạn. Mình đã học 2 giờ và nghỉ ngơi 1 giờ. Mình nghỉ giải lao dài vì mình sẽ điên lên mất nếu học liên tục. Để có thêm động lực mình đã tưởng tượng ra cuộc sống học đường vui vẻ sau khi thi đỗ vào trường cấp 3.

Trường cấp 3 Kawasaki (Công lập, bán thời gian)



【Cさん 中国人・来日して半年で高校受験】

最も大事なことは志望校を選ぶことだと思った。だからいろんな高校を見学したり、説明会に行ったり、体験授業なども受けたりした。それらを通じて、学校の雰囲気や特色、どのくらい勉強に力を入れているかなど詳しく知ることができた。そこから自分の学力をもとに志望校を一つに絞って、それに向けて対策をした。一番大変なのは受験直前の期間だった。模擬テストが何回もあったり、面接の練習もほぼ毎日行っていたからだ。そのときはまだ日本語を習ったばかりなので、伝えたいことをはっきり言えなかった。それで面接の練習は結構きつかった。それでもたくさんの練習のおかげで、本番の面接はよくできたと思った。

受験勉強に関しては科目ごとに述べていく。国語は全然できてなかった。でも中国人にとって漢字は覚えやすいので、できるだけ漢字の問題は全部点が取れるように、日本の中学校の常用漢字を毎日暗記していた。私の得意科目は英語なので、英語にはあまり時間をかけなかったが、毎日必ず単語と熟語を覚えた。数学はたくさん問題を解くことがポイントだと思う。基本の知識を身につけたら問題集や過去問をやって、間違えたところを自力で解けるまで何回も繰り返し返していった。

書いているうちにいろんな思い出が浮かんだ。みんな時間を大切に、無事に高校に合格できるように頑張ろう。

神奈川県立橋本高校（公立・全日制・在県枠）



【Bạn C, người Trung Quốc, thi cấp 3 sau nửa năm đến Nhật】

Mình nghĩ điều quan trọng nhất là chọn trường cấp 3 phù hợp nên mình đã đi thăm nhiều trường cấp 3, tham dự các buổi giới thiệu trường và các lớp học thử. Kết quả là, mình đã hiểu được văn hóa và điểm đặc trưng của các trường cũng như mức độ nỗ lực trong việc học. Sau đó, mình đã chọn chỉ một trường dựa trên học lực của mình và lên kế hoạch cho kỳ thi đầu vào. Gian nan nhất là thời gian trước khi thi vì mình phải làm nhiều bài thi thử và luyện phỏng vấn hầu như mỗi ngày. Lúc đó mình không thể nói được hết những gì mình muốn nói cho giáo viên phỏng vấn vì mình chỉ mới học tiếng Nhật. Vì vậy luyện phỏng vấn khá là vất vả. Tuy nhiên, nhờ luyện tập nhiều mà mình đã làm tốt trong buổi phỏng vấn thật.

Bây giờ mình sẽ kể về việc chuẩn bị cho từng môn thi. Mình hoàn toàn không biết Quốc ngữ. Tuy nhiên, kanji thì rất dễ nhớ đối với người Trung Quốc, vì vậy mình quyết tâm lấy trọn số điểm phần thi kanji, vì vậy mỗi ngày mình cố gắng ghi nhớ các kanji thường dùng của trường cấp 2. Mình không dành nhiều thời gian cho môn Tiếng Anh vì mình vốn học khá môn này. Tuy nhiên mình vẫn cố gắng mỗi ngày ghi nhớ từ vựng và thành ngữ. Còn Toán thì mình nghĩ quan trọng nhất là giải thật nhiều đề. Sau khi nắm được kiến thức cơ bản, mình luyện bài tập (mondaishu) và đề của các năm trước (kakomon). Những câu nào làm không đúng thì mình giải tới giải lui cho đến khi tự mình tìm ra đáp án.

Thật nhiều kỷ niệm tràn về khi mình viết những dòng này. Các bạn hãy sử dụng thời gian thật hữu ích và hãy cố gắng hết sức để đậu kỳ thi cấp 3 nhé!

Trường cấp 3 Hashimoto

(Công lập, toàn thời gian, chế độ tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài sống trong tỉnh.)



NPO法人 ABCジャパン
 よこはましつるみくつるみちゅうおう
 横浜市鶴見区鶴見中央4-7-15 ラカンパーナキソヤ3F
<https://www.abcjapan.org>
 Tel: 045-550-3455 (火曜日～金曜日 10:00～18:00)

あーすぷらざ 外国人教育相談
 よこはまし さかえく こすがや かながわけんりつ ちきゅうしみん
 横浜市栄区小菅ヶ谷1-2-1 神奈川県立地球市民かながわプラザ
 (あーすぷらざ) 2階情報フォーラム
https://www.earthplaza.jp/forum/foreign_education/
 Tel: 045-896-2970 【日本語】
 Tel: 045-896-2972 【タガログ語→火曜日】 【ポルトガル語→水曜日】
 Fax: 045-896-2894 【中国語→木曜日と土曜日】 【スペイン語→金曜日】

認定NPO法人多文化共生 教育ネットワークかながわ (ME-net)
 よこはまし さかえく こすがや かながわけんりつ ちきゅうしみん
 横浜市栄区小菅ヶ谷1-2-1 神奈川県立地球市民かながわプラザ
 NPOなどのための事務室内
<https://me-net.or.jp/>
 Tel/Fax: 045-896-0015 (月曜日・水曜日・金曜日 10:00～17:00)

横浜市国際交流協会 (YOKE)
 よこはまし にしく
 横浜市西区みなとみらい1-1-1
 パシフィコ横浜 横浜国際協力センター5階
<https://www.yokeweb.com>
 Tel: 045-222-1209 【英語→第2・第3土曜日】 【中国語→第2土曜日】
 Fax: 045-222-1187 【スペイン語→第4土曜日】

国際交流ラウンジ

…情報提供や相談を多言語で行っている。日本語教室を開いているところもある。

あおばく 青葉区	あおばくこくさいこうりゅう 青葉国際交流ラウンジ	つづきく 都筑区	つづきたぶんかせいしょうねんこうりゅう 都筑多文化青少年交流プラザ
いずみく 泉区	いずみくたぶんかきょうせい いずみ多文化共生コーナー	つるみく 鶴見区	つるみくこくさいこうりゅう 鶴見国際交流ラウンジ
かなざわく 金沢区	かなざわくこくさいこうりゅう 金沢国際交流ラウンジ	なかく 中区	こくさいこうりゅう なか国際交流ラウンジ
こうなんく 港南区	こうなんくこくさいこうりゅう 港南国際交流ラウンジ	ほどがやく 保土ヶ谷区	こくさいこうりゅう ほどがや国際交流ラウンジ
こうほくく 港北区	こうほくくこくさいこうりゅう 港北国際交流ラウンジ	みなみく 南区	しみんかつどう たぶんかきょうせい みなみ市民活動・多文化共生ラウンジ

Các tổ chức tư vấn

NPO ABC Japan	Yokohama-shi, Tsurumi-ku Tsurumi Chuo 4-7-15 La Campana KISOYA302 https://www.abcjapan.org/
Tel: 045-550-3455 (Thứ Ba ~ Thứ Sáu 10:00 ~ 18:00)	

Earth Plaza Educational Consultation for Foreigners	Yokohama-shi, Sakae-ku, Kosugaya 1-2-1, Chikyuu Shimin Kanagawa Plaza (Earth Plaza) 2F Information Forum https://www.earthplaza.jp/ep/forum/foreign_education/
Tel: 045-896-2970 【Tiếng Nhật】 Tel: 045-896-2972 【Tiếng Tagalog → Thứ Ba】 【Tiếng Bồ Đào Nha → Thứ Tư】 Fax: 045-896-2894 【Tiếng Trung → Thứ năm】 【Tiếng Tây Ban Nha → Thứ Sáu】	

Multicultural Education Network Kanagawa (ME-net)	Yokohama-shi, Sakae-ku, Kosugaya 1-2-1, Chikyuu Shimin Kanagawa Plaza (Earth Plaza) https://me-net.or.jp/
Tel/Fax: 045-896-0015 (Thứ Hai – Thứ Tư – Thứ Sáu 10:00 ~ 17:00)	

Yokohama Association for International Communications and Exchanges (YOKE)	Yokohama-shi, Nishi-ku, Minato Mirai Pacifico Yokohama 1-1-1 Yokohama International Organizations Center 5F https://www.yokeweb.com/
Tel: 045-222-1209 【Tiếng Anh → Thứ Bảy tuần thứ 2/ tuần thứ 3】 Fax: 045-222-1187 【Tiếng Trung Quốc → Thứ Bảy tuần thứ 2】 【Tiếng Tây Ban Nha → Thứ Bảy tuần thứ 4】	

Hội trường quốc tế

... Tại những nơi đây có cung cấp thông tin và tư vấn bằng nhiều ngôn ngữ. Vài nơi còn có lớp tiếng Nhật.

Aoba	Yokohama Aoba International Lounge	Tsuzuki	Tsuzuki Multicultural & Youth Plaza
Izumi	Izumi Multicultural Community Center	Tsurumi	Tsurumi International Lounge
Kanazawa	Kanazawa International Lounge	Naka	Naka International Lounge
Konan	Konan International Lounge	Hodogaya	Hodogaya International Lounge
Kohoku	Yokohama Kohoku International Lounge	Minami	Minami Citizens Activity & Multicultural Lounge

キーワードリスト

Danh sách từ ngữ liên quan

A・B		Nghĩa	Trang
ARUBAITO (BAITO)	アルバイト(バイト)	Làm thêm	17
BAIRITSU	倍率	Tỉ lệ chọi	4
BOSHUU-NINZUU	募集人数	Số lượng tuyển sinh	-
BOSHUU-YOUKOU	募集要項	Điều kiện tuyển sinh	6, 10
BUNKA-SAI	文化祭	Lễ hội văn hóa	8, 9
BUNKEI	文系	Ban xã hội	2
C・D			
CHIKOKU	遅刻	Đi trễ	5
CHOUSASHO	調査書	Phiếu điều tra	3, 4, 5, 10
CHUUKAN-BU	昼間部	Lớp ban ngày	2
CHUUYA-BU	昼夜部	Lớp ban ngày và lớp ban tối	2
DAIGAKU	大学	Đại học	2, 16
DAIICHI-SHUBOU	第一志望	Nguyện vọng 1	9
F			
FUGOUKAKU	不合格	Không đỗ	-
FUN-IKI	霽田気	Bầu không khí	8, 9
FUTSUU-KA	普通科	Khoa thường	1, 2
FUTSUU-KAMOKU	普通科目	Môn thường	2
G			
GAKKA	学科	Khoa	1
GAKKOU-SETSUMEIKAI	学校説明会	Buổi giới thiệu trường	6, 9, 10, 17
GAKUHI	学費	Học phí	1, 6, 9, 13
GAKUHI-MENJO	学費免除	Miễn giảm học phí	6
GAKUNEN-SEI	学年制	Chế độ năm học	17
GAKURYOKU	学力	Học lực	8
GAKURYOKU-KENSA (SHIKEN)	学力検査(試験)	Kiểm tra học lực	3, 4, 5, 12
GAKUSHOKU	学食	Nhà ăn	1
GAIKOKUSEKI	外国籍	Quốc tịch nước ngoài	7
GANSHO	願書	Hồ sơ đăng ký thi	4, 5
GIMU-KYOUIKU	義務教育	Giáo dục bắt buộc	17
GOUDOU-SETSUMEIKAI	合同説明会	Buổi giới thiệu tập trung nhiều trường	-
GOUHI	合否	Đỗ - Không đỗ	3, 4, 5
GOUKAKU	合格	Đỗ	-
GOUKAKU-HAPPYU	合格発表	Công bố kết quả	10, 12
H・I			
HEIGAN	併願	Nguyện vọng nhiều trường	5, 6, 12, 13
ICHIRITSU	市立	Thành phố lập	1
IPPAN-NYUUSHI	一般入試	Kỳ thi chung	5
J			
JUGYOURYOU	授業料	Học phí	13
JUKEN	受検(受験)	Thi	4, 5, 10
JUKEN-SHA	受験者	Thí sinh	-
JUKEN-KOU	受験校	Trường dự thi	-

JUKEN-RYOU	受験料	Lệ phí thi	13, 15
K			
KADAI	課題	Đề tài	2
KAIGAIKIKOKUSEITO-TOKUBESTUNBOSYU	海外帰国生徒特別募集	Chế độ đặc biệt dành cho học sinh về từ nước ngoài	7
KAMOKU	科目	Môn học	2
KANAGAWAKEN-KYOUIKU-IINKAI	神奈川県教育委員会	Ủy ban Giáo dục tỉnh Kanagawa	4
KATEI	課程	Nội dung đào tạo	2
KATEN	加点	Điểm cộng thêm	9
KESSEKI	欠席	Vắng	5
KETSUIN	欠員	Người vắng	-
KOKUSAI-KA	国際科	Khoa quốc tế	1, 2
KOUTOU-GAKKOU	高等学校	Trường cấp 3	-
KOUFUU	校風	Văn hóa trường	1, 8
KOUGYOU-KA	工業科	Khoa Công nghiệp	1, 2
KOURITSU	公立	Công lập	1, 3, 12, 13
KYOUTSUU-SENBATSU	共通選抜	Kỳ thi chung	3, 12
KYOUZAI	教材	Giáo trình	13
M			
MENJO	免除	Miễn giảm	6, 14
MENSETSU	面接	Phỏng vấn	3, 4, 5, 12
MENSETSU-SHIITO	面接シート	Phiếu phỏng vấn	3, 10
MOGI-SHIKEN (MOSHI)	模擬試験 (模試)	Đề thi mẫu	10
N			
NAISHIN-SHO	内申書	Bảng thành tích	3
NAISHIN-TEN	内申点	Điểm trong Bảng thành tích	3, 6, 8
NETTO-SHUTSUGAN	ネット出願	Nộp đơn dự thi online	9
NIJI-BOSHUU	二次募集	Tuyển sinh lần 2	4, 12
NOUFU	納付	Nộp học phí	-
NYUUGAKU-KIN	入学金	Phí nhập học	13, 14, 15
NYUUSHI	入試	Kỳ thi nhập học	3, 4, 5, 6
O・R			
OCHIRU	落ちる	Không đỗ	-
OOPUN-GATA-NYUUSHI	オープン型入試	Kỳ thi mở	6, 12
RIKEI	理系	Ban tự nhiên	2
RISUU-KA	理数科	Khoa Toán lý	1
RISHUU	履修	Đăng ký khóa học	-
RYUUNEN	留年	Lưu ban	17
S			
SAKUBUN	作文	Bài luận	4, 5
SANSHA-MENDAN	三者面談	Họp phụ huynh – giáo viên – học sinh	5, 9
SAPOOTO-KOU	サポート校	Trường hỗ trợ	9, 17
SEISEKI	成績	Thành tích	3, 10, 11
SEISEKI-KIJUN	成績基準	Điểm chuẩn	6, 9, 10
SENGAN	専願	Nguyện vọng duy nhất	5, 9

SENMON-KAMOKU	専門科目	Môn chuyên	2
SENMON-GAKKA	専門学科	Khoa đặc biệt	2
SENMON-GAKKOU	専門学校	Trường senmon	2, 8, 16
SHIBOU-KOU	志望校	Trường ứng tuyển	8, 9, 10, 15
SHIBOU-RIYUU	志望理由	Lý do ứng tuyển	3
SHIGAN-HENKOU	志願変更	Thay đổi nguyện vọng	4
SHIKAKU	資格	Bằng cấp	2
SHIKEN	試験	Kỳ thi	3
SHIRITSU (ICHIRITU)	市立	Thành phố lập	1
SHIRITSU (WATAKUSHIRITSU)	私立	Tư lập	1, 5, 9, 12, 13
SHINGAKU	進学	Học lên cao	2, 8, 16
SOUDAN-KAI	相談会	Buổi thảo luận	9
SOUGOU-GAKKA	総合学科	Khoa Tổng hợp	2
SUBERIDOME	すべりどめ	Đăng ký dự bị	5
SUKUURINGU	スクーリング	Đến trường	2
SUISEN-NYUUSHI	推薦入試	Kỳ thi dành cho học sinh được tiến cử	5, 12
SHOUGAKUKIN	奨学金	Học bổng	14
SHOUGYOU-KA	商業科	Khoa Thương mại	2
SHORUI-SENKO	書類選考	Xét hồ sơ	5, 12
SHUUSHOKU	就職	Ứng tuyển làm nhân viên công ty	8
SHUTSUGAN	出願	Nộp hồ sơ	4, 9, 10, 12
SHUTSUGAN-SHORUI	出願書類	Hồ sơ ứng tuyển	9
T			
TAIGAKU	退学	Bỏ học	17
TANGAN	単願	Nguyện vọng duy nhất	5, 12
TAN-I-SEI	単位制	Chế độ tín chỉ	2, 17
TEIJI-SEI	定時制	Hệ bán thời gian	2, 3, 4, 13, 17
TEITSUU-BUNKATSU- SENBATSU	定通分割選抜	Hệ bán thời gian – từ xa	4, 12
TOKUBETSUSHINSEI-JUKEN	特別申請受検	Thi kỳ thi đặc biệt	7
TOKUSHOKU-KENSA	特色検査	Kỳ thi do trường chỉ định	3, 12
TOKUTAISEI-NYUUSHI	特待生入試	Kỳ thi dành cho học sinh có học bổng	6
TSUUGAKU	通学	Đến trường	2
TSUUSHINSEI	通信制	Hệ từ xa	2, 3, 4
W・Y・Z			
WATAKUSHIRITSU	私立	Tư lập	1, 5, 9, 12, 13
YAKAN-BU	夜間部	Lớp buổi tối	2, 4
ZAIKEN-GAIKOKUJINTOU -TOKUBETSU-BOSHU	在県外国人等特別募集	Tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài sống trong tỉnh	7
ZEN-NICHI-SEI	全日制	Hệ toàn thời gian	2, 3, 4, 13

外国につながる子どもと保護者のための高校進学ガイドブック〈ベトナム語版〉
Dành cho quý phụ huynh và con em có yếu tố nước ngoài
Sách hướng dẫn về việc học lên trường cấp 3

発行日：2024年1月31日

発行者：NPO 法人 ABC ジャパン

〒230-0051 横浜市鶴見区鶴見中央 4-7-15 ラカンパーナ キンヤ 3F

TEL：045-550-3455

執筆：安富祖 樹里 藤浪 海

制作：ABC ジャパン「高校進学ガイドブック」編集委員会

翻訳：ファム ルー アン ジー

DTP：スタジオクッカバラ

表紙：Tamy Gushiken

